

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI  
VIỆT NAM – CTCP**  
**VIETNAM LIVESTOCK  
CORPORATION - JSC**  
-----o0o-----

Số: 50/2024/VLC/CV-CBTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**  
-----o0o-----

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024  
Hanoi, March 22, 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi:** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
**To:** - Sate Securities Commission of Vietnam  
- Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: **TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: VLC
- Địa chỉ/ *Address*: 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/ *Tel*: 024 3862 1688
- E-mail: [ir@vilico.vn](mailto:ir@vilico.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure* :

- Nghị quyết HĐQT số 10/2024/VLC/NQHĐQT ngày 22/03/2024 thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/03/2024 tại đường dẫn <https://www.vilico.vn/> mục Thông tin cổ đông/ *This information was published on the company's website on 22/03/2024 (date), as in the link <https://www.vilico.vn/> shareholder information section.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Đại diện Tổng Công ty  
Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Vietnam Livestock Corporation - JSC**  
*representative*  
Người UQ CBTT  
*Person authorized to disclose information*



Hoàng Tuyên Dương



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI  
VIỆT NAM - CTCP

---o0o---

Số: 10/2024/VLC/NQHĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công Ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP;
- Biên họp Hội đồng Quản trị.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1:** Hội đồng Quản trị thông qua Bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty bao gồm các tài liệu đính kèm như sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) năm 2023;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát (“BKS”) năm 2023;
3. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023;
4. Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã kiểm toán trong năm 2023;
5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023;
6. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024;
7. Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;
8. Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024;
9. Chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu VLC qua Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE);
10. Miễn nhiệm Thành viên HĐQT;
11. Miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát;
12. Bầu bổ sung Thành viên HĐQT;
13. Bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát;
14. Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ năm 2024;
15. Thông báo mời họp Đại hội năm 2024;
16. Thông báo đề cử thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
17. Mẫu đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
18. Mẫu Sơ yếu lý lịch và kê khai thông tin ứng viên;
19. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024

**Điều 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty, và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

### Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Các phòng, ban thuộc Công Ty;
- Lưu VP.



MAI KIỀU LIÊN





**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

Trụ sở chính: Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội  
Mã số doanh nghiệp số: 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010,  
đăng ký thay đổi lần 12 ngày 16/11/2023.

**THƯ MỜI  
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG**

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“Vilico” hoặc “Công ty”) trân trọng kính mời Quý Cổ đông có thông tin dưới đây tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2024 của Vilico:

**Tên cổ đông** : (in đậm & font size lớn)  
**Địa chỉ** : (in đậm & font size lớn)  
**Điện thoại** : (in đậm & font size lớn)  
**Số đăng ký sở hữu** (do Trung tâm lưu ký cấp):

**Thông tin cụ thể về ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Vilico như sau:**

- Thời gian:** ngày **23/04/2024**, dự kiến khai mạc lúc 13h30 và kết thúc lúc 17h00 (giờ Việt Nam).
- Hình thức họp:** **ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN**. Quý Cổ đông vui lòng truy cập vào Hệ thống họp trực tuyến tại đường dẫn: <https://agm.vilico.vn> hoặc quét mã QR Code bên dưới để tham dự họp.
- Nội dung họp:** thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ thường niên như được đề cập tại Tài liệu họp.
- Tài liệu họp:** Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 sẽ được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: <https://www.vilico.vn/dai-hoi-co-dong/> (chậm nhất vào ngày **02/04/2024**). Ngoài ra, để hỗ trợ Quý Cổ đông đăng ký tham dự và biểu quyết tại đại hội trực tuyến, Công ty cũng sẽ đăng tải hướng dẫn cách thức đăng ký tham dự và biểu quyết tại đại hội trực tuyến tại địa chỉ website nêu trên.
- Cổ đông/nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể kiến nghị, góp ý các nội dung trong chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị, góp ý được lập thành văn bản và được gửi đến cho Vilico chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc.
- Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:** Trường hợp Quý Cổ đông không dự họp và ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân/tổ chức khác dự họp, vui lòng gửi giấy ủy quyền hợp lệ theo đường bưu điện/chuyển phát có bảo đảm về địa chỉ nhận thư nêu tại Mục 7 dưới đây hoặc gửi về địa chỉ email: [ir@vilico.vn](mailto:ir@vilico.vn) chậm nhất vào ngày **22/04/2024**. Quý cổ đông có thể tải mẫu Giấy ủy quyền về từ địa chỉ: <https://www.vilico.vn/dai-hoi-co-dong/>, hoặc có thể tự lập giấy ủy quyền (trong đó phải nêu rõ thông tin Bên ủy quyền, Bên nhận ủy quyền, nội dung ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền).
- Mọi thông tin liên quan đến công tác tổ chức ĐHĐCĐ, Quý Cổ đông vui lòng liên hệ Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư của Công ty theo thông tin:

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**

Tầng 14, Tháp A, Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Email: [ir@vilico.vn](mailto:ir@vilico.vn)

Điện thoại: (+84) 243 862 1688

Trân trọng,



**MAI KIỀU LIÊN**





MẪU

## GIẤY ỦY QUYỀN

V/v: Tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024  
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Tên Cổ đông: .....  
Địa chỉ: .....  
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: .....  
Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Người đại diện theo pháp luật (trường hợp Cổ đông là tổ chức): .....  
Tổng số cổ phần sở hữu: .....  
(sau đây gọi tắt là “**Bên Ủy Quyền**”)

**Bằng văn bản này ủy quyền cho Cá nhân/Tổ chức có tên sau đây:**

Tên Cá nhân/Tổ chức: .....<sup>3</sup>  
Địa chỉ: .....  
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: .....<sup>1</sup>  
Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Số điện thoại: ..... Email: .....<sup>2</sup>  
(sau đây gọi tắt là “**Bên Được Ủy Quyền**”)

### NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên Được Ủy Quyền sẽ là người đại diện theo ủy quyền của Bên Ủy Quyền liên quan đến [.....]<sup>3</sup> cổ phần thuộc sở hữu của Bên Ủy Quyền và sẽ đại diện cho Bên Ủy Quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (“**ĐHĐCĐ**”) của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“**Công ty**”) được tổ chức vào ngày 23/04/2024, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tương ứng với số cổ phần nêu trên theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

Bên Được Ủy Quyền chỉ được thực hiện những công việc trong phạm vi được ủy quyền theo Giấy ủy quyền này.

Các Bên hiểu rõ tính chất, hậu quả pháp lý và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc ủy quyền và nhận ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện gì đối với Công ty.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ của Công ty.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2024

**BÊN ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

<sup>1</sup> Vui lòng gửi bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN của Bên Ủy Quyền và Bên Được Ủy Quyền. Trường hợp Bên Được Ủy Quyền là tổ chức, vui lòng gửi kèm văn bản ủy quyền/giấy giới thiệu của tổ chức cho người đại diện của tổ chức đó tham dự ĐHĐCĐ (đính kèm theo CMND/CCCD/Hộ chiếu của người đại diện tham dự).

<sup>2</sup> Vui lòng cung cấp số điện thoại di động và email của người đại diện tham dự họp để Công ty có thể gửi mã xác thực (OTP) cho người đó đăng nhập vào hệ thống họp trực tuyến.

<sup>3</sup> Điền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần mà Cổ đông sở hữu, tùy theo quyết định của Cổ đông.





**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

*Trụ sở: Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội*

*Địa chỉ liên lạc: Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội*

*Điện thoại: 0243.862 1688; Website: [www.vilico.vn](http://www.vilico.vn);*

*Giấy CNĐKDN số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp. Hà Nội cấp lần thứ 12 ngày 16/11/2023.*

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP**  
(Mã chứng khoán: VLC)

**Tài liệu họp**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024**  
**Ngày 23/04/2024**







# TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở: Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Địa chỉ liên lạc: Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: 0243.862 1688; Website: [www.vilico.vn](http://www.vilico.vn);  
Giấy CNĐKDN số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp. Hà Nội cấp lần thứ 12 ngày 16/11/2023.

## CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

### TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

**Thời gian dự kiến:** 13:30 – 17:00 Thứ Ba, ngày 23 tháng 04 năm 2024

**Hình thức tổ chức:** Trực tuyến tại số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Thời gian dự kiến	Nội dung
13:30 - 13:35	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông
13:35 - 13:40	Khai mạc Đại hội; Giới thiệu đại biểu, khách mời
13:40 - 13:55	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giới thiệu Đoàn chủ tịch</li><li>- Giới thiệu Ban Thư Ký</li><li>- Thông qua Chương trình Đại hội</li><li>- Bầu Ban kiểm phiếu</li></ul>
13:55 - 14:30	Các nội dung trình Đại Hội Đồng Cổ Đông (“ <b>DHĐCD</b> ”) phê duyệt: <ol style="list-style-type: none"><li>1. Báo cáo của Hội đồng quản trị (“<b>HDQT</b>”) cho năm 2023;</li><li>2. Báo cáo của Ban kiểm soát (“<b>BKS</b>”) cho năm 2023;</li><li>3. Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán;</li><li>4. Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã kiểm toán trong năm 2023;</li><li>5. Phân phối lợi nhuận năm 2023;</li><li>6. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024;</li><li>7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024;</li><li>8. Thù lao của HDQT và BKS năm 2024;</li><li>9. Chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu VLC qua Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE);</li><li>10. Miễn nhiệm thành viên HDQT;</li><li>11. Miễn nhiệm thành viên BKS;</li><li>12. Bầu bổ sung thành viên HDQT;</li><li>13. Bầu bổ sung thành viên BKS.</li></ol>
14:30 - 15:15	Thảo luận các nội dung của Chương trình Đại hội
15:15 - 15:25	Biểu quyết
15:25 - 15:30	Công bố kết quả biểu quyết
15:30 - 15:45	Bầu cử
15:45 - 15:50	Công bố kết quả bầu cử
15:50 - 16:00	Thông qua Biên bản và công bố Nghị quyết Đại hội
16:05	Bế mạc Đại hội





# TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở: Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 0243.862 1688; Website: [www.vilico.vn](http://www.vilico.vn);

Giấy CNĐKDN số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp. Hà Nội cấp lần thứ 12 ngày 16/11/2023.

## CÁC VẤN ĐỀ VỀ THỦ TỤC

### VẤN ĐỀ 1: THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ như đã nêu trên.

### VẤN ĐỀ 2: BẦU BAN KIỂM PHIẾU

Nhằm hỗ trợ cho Ban tổ chức đại hội trong việc kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử, HDQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua thành phần nhân sự của Ban kiểm phiếu như sau:

- Bà Hoàng Thị Hà Trưởng ban
- Bà Hồ Thị Ngọc Dung Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Thùy Trang Thành viên độc lập (KPMG)

## CÁC NỘI DUNG CHI TIẾT TRÌNH ĐẠI HỘI THÔNG QUA

### VẤN ĐỀ 3: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

*(Vui lòng xem Báo cáo của HDQT được trình bày chi tiết theo Báo cáo đính kèm).*

### VẤN ĐỀ 4: BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

*(Vui lòng xem Báo cáo của BKS được trình bày chi tiết theo Báo cáo đính kèm).*

### VẤN ĐỀ 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: [www.vilico.vn](http://www.vilico.vn), trong đó bao gồm các nội dung sau:

- Báo cáo của Kiểm toán viên;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2023;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

*Trong đó: Một số chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo tài chính như sau:*

#### **Thông tin tài chính riêng:**

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu (làm tròn tỷ đồng)	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	Tăng/ (giảm) so với 2022
1	Doanh thu thuần	3,9	3,6	8,3%
2	Lợi nhuận trước thuế	160,3	197,8	-18,9%
3	Lợi nhuận sau thuế	157,6	197,7	-20,3%



**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

Trụ sở: Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 0243.862 1688; Website: [www.vilico.vn](http://www.vilico.vn);

Giấy CNĐKDN số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp. Hà Nội cấp lần thứ 12 ngày 16/11/2023.

**Thông tin tài chính hợp nhất:**

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu (làm tròn tỷ đồng)	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	Tăng/ (giảm) so với 2022
1	Doanh thu thuần	3.152,0	3.140,3	0,4%
2	Lợi nhuận trước thuế	327,3	257,4	27,2%
3	Lợi nhuận sau thuế	289,1	237,5	21,7%

**VẤN ĐỀ 6: BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐÃ KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2023**

HĐQT kính trình ĐHCĐ phê duyệt Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã kiểm toán thu được từ đợt phát hành 40.145.438 triệu cổ phiếu trong năm 2023 như sau:

STT	Nội dung	Đến 31/12/2023 (đồng)
I	Số tiền thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông	562.036.132.000
II	Sử dụng vốn	0
III	Số tiền còn lại tại ngày cuối kỳ (I-II)	562.036.132.000

Báo cáo tình hình sử dụng vốn Công ty đã được đăng tải trên website tại <https://www.vilico.vn/thong-tin-khac/>.

**VẤN ĐỀ 7: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2023**

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2023, HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua nội dung phân phối lợi nhuận trong năm 2023 như sau:

*DVT: tỷ đồng*

- Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm : 333,8
- Lợi nhuận sau thuế ("LNST") trong năm 2023 : 157,6
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2023:
  - o Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế
- Trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả là 6%, tương đương 600 đồng/cổ phiếu. HĐQT có trách nhiệm lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, quyết định thời gian chi trả cụ thể theo quy định của pháp luật nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày 23/04/2024.

**VẤN ĐỀ 8: KẾ HOẠCH DOANH THU, LỢI NHUẬN NĂM 2024**

HĐQT kính trình ĐHCĐ phê duyệt kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2024 của Công ty như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu (làm tròn tỷ đồng)	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	% so với thực hiện 2023
1	Doanh thu thuần	3.408,9	3.152,0	8,2%





## TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở: Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 0243.862 1688; Website: [www.vilico.vn](http://www.vilico.vn);

Giấy CNĐKDN số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp. Hà Nội cấp lần thứ 12 ngày 16/11/2023.

2	Lợi nhuận trước thuế	251,9	327,3	-23,0%
3	Lợi nhuận sau thuế	221,4	289,1	-23,4%

### VẤN ĐỀ 9: LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CHO NĂM TÀI CHÍNH 2024

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua danh sách đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024 là bốn công ty kiểm toán (Big 4) hoạt động tại Việt Nam gồm:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG);
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC);
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y);
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte).

Giao cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong bốn công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2024

### VẤN ĐỀ 10: KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO CHO HĐQT VÀ BKS NĂM 2024

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt thù lao cho HĐQT và BKS trong năm 2024 bằng với mức thù lao trong năm 2023. Cụ thể như sau:

- Thành viên HĐQT : 8.000.000 đồng/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 8.000.000 đồng/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 6.000.000 đồng/ tháng

*Ghi chú: Chủ tịch HĐQT xin tiếp tục không nhận thù lao năm 2024.*

### VẤN ĐỀ 11: CHUYỂN NIÊM YẾT VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU VLC QUA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM (HOSE)

Theo Báo cáo của HĐQT tại mục 4.3: Báo cáo của HĐQT năm 2023 về tình hình thực hiện các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết ĐHĐCĐ các năm trước nhưng chưa thực hiện xong: “Công ty đã soạn thảo hồ sơ chuyển sàn, sơ bộ hoàn chỉnh. Dự kiến trong tháng 3-4/2024 sẽ nộp hồ sơ cho HOSE”.

Do đó HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

- Thông qua việc chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán: VLC) từ sàn UPCOM qua niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM (“HOSE”);
- Giao cho HĐQT và Tổng Giám đốc (đại diện pháp luật của Công ty) thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu của VLC trên HOSE;
- Thời gian thực hiện: tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn tất niêm yết cổ phiếu VLC trên HOSE.

### VẤN ĐỀ 12: MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT







*Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023**

*(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)*

HĐQT Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “**Vilico**”, “**VLC**” hoặc “**Công ty**”) xin báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023 với các nội dung như sau:

**1. Về cơ cấu HĐQT**

Năm 2023, Hội đồng quản trị các thành viên như sau:

- Bà Mai Kiều Liên : Chủ tịch HĐQT;
- Ông Trịnh Quốc Dũng : Thành viên HĐQT (đến ngày 27/04/2023);
- Ông Trịnh Phương Nam : Thành viên HĐQT (từ ngày 27/04/2023);
- Ông Lê Thành Liêm : Thành viên HĐQT;
- Ông Đỗ Hoàng Phúc : Thành viên HĐQT;
- Ông Nguyễn Hồng Bách : Thành viên độc lập HĐQT.

**2. Về thù lao và các lợi ích khác của HĐQT**

Thù lao của HĐQT được chi trả trong năm 2023 đã tuân thủ Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2023. Trong đó, Bà Mai Kiều Liên không nhận thù lao trong năm 2023. Thù lao của các thành viên còn như sau:

- Ông Lê Thành Liêm : 8.000.000 đồng/ tháng;
- Ông Trịnh Quốc Dũng (đến 27/04/2023) : 8.000.000 đồng/ tháng;
- Ông Trịnh Phương Nam (từ 27/04/2023) : 8.000.000 đồng/ tháng;
- Ông Đỗ Hoàng Phúc : 8.000.000 đồng/ tháng;
- Ông Nguyễn Hồng Bách : 8.000.000 đồng/ tháng.

Trong năm 2023, Công ty không có phát sinh các lợi ích khác cho HĐQT ngoại trừ chi phí công tác của thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp HĐQT và ĐHCĐ theo quy định về định mức công tác phí chung của Công ty.

**3. Hoạt động của HĐQT**





Thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, HĐQT và từng thành viên của HĐQT đã thực hiện hoạt động quản trị Công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ đề ra theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Hoạt động của HĐQT trong năm 2023 trọng tâm vào các nội dung sau:
  - Phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2023 của Ban Điều hành để trình ĐHĐCĐ thông qua và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
  - Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023;
  - Giám sát hoạt động đầu tư của Vilico vào các công ty con, công ty liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác; giám sát tình hình hợp nhất Báo cáo tài chính theo các quý, bán niên, năm;
  - Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị vận hành, quản trị tài chính, quản trị rủi ro phù hợp với quy mô và mô hình của hệ thống, đảm bảo sự tuân thủ và chuyên nghiệp, tối ưu hóa hoạt động vận hành của Công ty;
  - Khai thác có hiệu quả nguồn lực về đất đai, bất động sản mà Vilico đang quản lý và sử dụng;
  - Phê duyệt các giao dịch, nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Mọi hoạt động của HĐQT đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.
- Trong năm 2023, HĐQT đã tiến hành 15 cuộc họp định kỳ và đột xuất, dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến, ban hành 28 Nghị quyết/Quyết định về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Thông tin về các nghị quyết này đã được Công ty công bố thông tin trong Báo cáo quản trị Công ty tại [https://www.vilico.vn/wp-content/uploads/2023/01/BCQT-rut-gon\\_signed.pdf](https://www.vilico.vn/wp-content/uploads/2023/01/BCQT-rut-gon_signed.pdf). Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trị được ban hành và lưu giữ theo đúng quy định.

**4. Báo cáo tình hình thực hiện các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết ĐHĐCĐ các năm trước nhưng chưa thực hiện xong:**

**4.1. Báo cáo tình hình thực hiện Điều 12 Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2022 “Thông qua việc góp thêm vốn để tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật – một công ty liên doanh của Công ty và Tập đoàn Sojitz (“JVL”) và thông qua việc chuyển nhượng Dự án Tam Đảo cho JVL:**

- a) Về việc tăng phần vốn góp của VLC tại JVL:



- Hoàn thành đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (JVL), theo đó điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư từ 46 tỷ lên 2.900,3 tỷ với 4 đợt góp vốn và hoàn tất góp vốn vào 30/06/2024. Dự án đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần 1 ngày 26/09/2022;
- Hoàn thành đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (JVL), theo đó điều chỉnh tiến độ góp vốn đợt 3, cụ thể thay đổi thời hạn góp vốn từ “trước 31/12/2023” thành “trước 31/03/2024” và hoàn tất góp vốn vào 30/06/2024. Dự án đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần 2 ngày 11/03/2024;
- VLC và Sojitz cũng đã hoàn thành 02 đợt góp vốn, theo đó tăng vốn điều lệ của JVL từ 46 tỷ lên 1.426 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 14/07/2023.
- Việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và góp vốn đều tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư và doanh nghiệp.

b) Về Giao dịch chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo:

- Hiện nay Dự Án Tam Đảo đang trong quá trình thực hiện như trình bày chi tiết tại mục iii. bên dưới, do vậy thủ tục chuyển nhượng chưa được thực hiện cho đến khi Dự án đủ điều kiện chuyển nhượng. HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã duyệt như trên trong năm 2024 phù hợp với pháp luật hiện hành.

c) Về tiến độ thực hiện Dự Án Tam Đảo:

- Đối với khu A (Nhà xưởng chế biến thịt):
  - Khối lượng xây dựng cơ bản đạt khoảng 95%.
  - Việc lắp đặt thiết bị dây chuyền máy móc đạt khoảng 30%.
  - Dự kiến kế hoạch hoàn thành toàn bộ khu A: tháng 8/2024
- Đối với khu B (Trang trại chăn nuôi bò thịt):
  - Khối lượng xây dựng cơ bản đạt khoảng 25%.
  - Việc lắp đặt thiết bị dây chuyền máy móc: đang chuẩn bị thực hiện.
  - Dự kiến kế hoạch hoàn thành toàn bộ Khu B: tháng 11/2024
- Tổng giá trị hợp đồng đã ký : 1.322 tỷ đồng
- Tổng giá trị đã thanh toán : 361 tỷ đồng.



**4.2. Báo cáo tình hình thực hiện Điều 13 Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2022 “Thông qua việc thực hiện Dự án Nhà máy sữa Hưng Yên”:**

- Dự án này đã hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư quan trọng như đã được cấp Quyết định Chủ trương đầu tư; Quy hoạch 1/500; Báo cáo đánh giá tác động môi trường; ký Hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm.
- Tháng 12/2024: Dự kiến khởi công hạng mục xây dựng nhà xưởng và công trình phụ trợ.
- Tháng 12/2025: Dự kiến Hoàn thành xây dựng công trình.
- Tháng 6/2026: Dự kiến hoàn thành lắp đặt dây truyền thiết bị.
- Tháng 6 -12/2026: Dự kiến hoàn thành chạy thử.
- Quý 1/2027: Dự kiến chính thức đi vào hoạt động/chạy thương mại.
- Tổng giá trị hợp đồng đã ký : 59 tỷ đồng
- Tổng giá trị đã thanh toán : 38 tỷ đồng.

**4.3. Báo cáo tình hình thực hiện Điều 10 Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2023/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023 “Kế hoạch chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu VLC qua Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”):**

- Công ty đã soạn thảo hồ sơ chuyển sàn, sơ bộ hoàn chỉnh. Dự kiến trong tháng 3-4/2024 sẽ nộp hồ sơ cho HOSE.

**5. Báo cáo về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan**

Các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty đã được trình bày và công bố thông tin tại trang 36 của Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023, cụ thể như sau:

- **Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**
  - o Chia cổ tức : 70,3 tỷ đồng
  - o Tặng vốn bằng mua cổ phiếu : 410,2 tỷ đồng
- **Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“Mộc Châu Milk”)**
  - o Bán hàng hóa, dịch vụ : 0,7 tỷ đồng
  - o Cổ tức được chia : 130,5 tỷ đồng
- **Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật**
  - o Góp vốn : 351,9 tỷ đồng
  - o Nhận tạm ứng về chuyển nhượng dự án : 45,9 tỷ đồng
  - o Bán hàng hóa, dịch vụ : 0,3 tỷ đồng



o Mua hàng hóa: : 0,03 tỷ đồng

## 6. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

### 6.1. Kết quả kinh doanh năm 2023:

Kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty chủ yếu là từ lãi tiền gửi và cổ tức thu được từ công ty con (Mộc Châu Milk). Trong năm 2023, Công ty nhận được 130,5 tỷ đồng tiền cổ tức từ Mộc Châu Milk. Kết quả kinh doanh năm 2023 cụ thể như sau:

- Công ty mẹ: Doanh thu thuần đạt 3,9 tỷ đồng, cao hơn 8,3% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt 157,6 tỷ đồng giảm 20,3% so với năm 2022.
- Hợp nhất: Doanh thu thuần đạt 3.152,0 tỷ đồng, tăng 0,4 % so với năm 2022, đạt 90,7% kế hoạch (3.475 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế đạt 289,1 tỷ đồng, tăng trưởng 21,7% so với năm 2022, tăng 18% so với kế hoạch (245 tỷ đồng).

Nhìn chung, do VLC chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty mẹ nên kết quả kinh doanh chủ yếu là từ Mộc Châu Milk. Lợi nhuận Mộc Châu Milk 2023 so với cùng kỳ 2022 tăng trưởng tốt sau khi áp dụng các biện pháp tái cơ cấu hệ thống bán hàng, đánh giá và thay đổi chính sách nhà phân phối, giá bán sản phẩm cũng như tối ưu hóa chi phí bán hàng, chi phí quản lý .

### 6.2. Kết quả giám sát đối với Ban Điều hành

HĐQT thực hiện việc đánh giá hoạt động và năng lực của Ban Điều hành (“BDH”) dựa trên các tiêu chí sau:

- Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh
- Bồn phận chung của Cán bộ quản lý cấp cao, bao gồm:
  - (1) Trách nhiệm “cân trọng”,
  - (2) Trách nhiệm “Trung thực và tránh xung đột lợi ích”,
  - (3) Trách nhiệm “Bảo mật thông tin”,
  - (4) Bồn phận “Chăm lo và trung thành”.

HĐQT nhận xét rằng BDH Công ty đều có đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt, hoàn toàn có thể tiếp tục các nhiệm vụ mà ĐHCĐ và HĐQT giao phó.

Tiền lương trung bình của Tổng Giám đốc trong năm 2023 là 50 triệu đồng/ tháng. Còn tiền lương trung bình của người lao động là 20,2 triệu đồng/người/tháng.

**Kết quả:** Theo đánh giá của HĐQT, BDH đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao trong năm 2023, bao gồm cả tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và kiện toàn hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý.



**7. Định hướng chiến lược của HĐQT trong tương lai**

Định hướng chiến lược của HĐQT trong năm 2024 và thời gian tới như sau:

- Tiếp tục nghiên cứu và khai thác có hiệu quả các lô đất hiện có của Công ty;
- Tiếp tục nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội đầu tư trong ngành thịt gia súc, gia cầm để cung cấp sản phẩm thịt chất lượng, an toàn và dinh dưỡng cho thị trường.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư khác nhằm gia tăng trị giá cho Công ty và cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ./.



**Mai Kiều Liên**







**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI  
VIỆT NAM - STCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024*

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

*(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)*

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (“BKS”) theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS, BKS xin báo cáo tình hình hoạt động năm 2023 với các thông tin chính như sau:

### **1. Hoạt động của BKS**

#### **a) Công tác thực hiện nhiệm vụ:**

- BKS đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) của Công ty trong năm 2023. Trong đó, BKS đã thảo luận về các điểm cần lưu ý, đề xuất một số khuyến nghị đến BDH của Công ty để nâng cao hiệu quả công tác: quản trị, điều hành doanh nghiệp; quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ; quản lý các dự án đầu tư mà Công ty đang triển khai và đảm bảo hiệu quả công tác quản lý các khoản đầu tư của Công ty tại các công ty con/công ty liên kết.
- Việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, nghị quyết ĐHĐCĐ, luật định và các quy định của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và BDH cũng được BKS nghiêm túc thực hiện, cụ thể:
  - Xem xét tính pháp lý, trình tự ban hành các nghị quyết của HĐQT và công bố thông tin theo Luật định.
  - Giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT và BDH.
  - Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính năm, 6 tháng đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam và các báo cáo hàng quý của Công ty (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất).
  - Trong năm 2023, BKS chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý Công ty.

#### **b) Lương thưởng, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS trong năm 2023**

- Trong năm 2023, BKS của Công ty bao gồm: 3 thành viên.



- Thù lao của Ban kiểm soát được chi trả trong năm 2023 đã tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, cụ thể như sau:
  - Bà Hà Thị Diệu Thu (Trưởng ban) : 8.000.000 đồng/ tháng
  - Ông Trịnh Công Sơn (thành viên) : 6.000.000 đồng/ tháng
  - Ông Trương Anh Vũ (thành viên) : 6.000.000 đồng/ tháng
- Không có phát sinh lợi ích khác cho Ban kiểm soát trong năm 2023.

## 2. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành

### a) Hội đồng quản trị

- HĐQT đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ trách nhiệm quản lý, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và các quy định liên quan khác.
- Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. HĐQT hoạt động tích cực và hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với BĐH trong việc đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Các nghị quyết của HĐQT được ban hành tuân thủ đúng thẩm quyền của HĐQT. Nội dung của các nghị quyết này tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định liên quan khác.

### b) Ban điều hành

- Hoạt động điều hành, quản lý:
  - Cùng với BĐH, Tổng Giám Đốc Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty.
  - BĐH Công ty đã tổ chức các cuộc họp để trao đổi và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, các công ty con, công ty liên kết. Đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong quản lý, vận hành hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con theo kiến nghị, góp ý của BKS.
- Hoạt động kiểm soát: Tích cực xây dựng, hoàn thiện bộ quy trình và chuẩn hóa tác nghiệp quản lý và công tác triển khai thực hiện tại các phòng/ban nội bộ Công ty nhằm giảm thiểu các tác nghiệp không hiệu quả, lãng phí.

## 3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông





HDQT, BDH đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ; phối hợp chặt chẽ, độc lập, khách quan, hướng tới mục tiêu chung của Công ty; tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định liên quan. Các ý kiến, kiến nghị của BKS đều được BDH tiếp nhận tích cực, giải quyết và khắc phục. Một số ít ý kiến, kiến nghị của BKS vẫn đang tiếp tục được BDH thực hiện, hoàn thiện.

#### 4. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023

- BKS đã xem xét báo cáo tài chính bán niên và năm 2023 đã được soát xét/kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam và thống nhất với các báo cáo này.
- Theo kết luận thẩm định của BKS, báo cáo tài chính riêng của Vilico và báo cáo tài chính hợp nhất của Vilico và Công ty con, đã được phân ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### 5. Kiến nghị và kết luận

##### a) Kiến nghị: BKS kiến nghị một số nội dung chính sau:

- Tiếp tục và liên tục kiện toàn bộ máy cơ cấu tổ chức, hoàn thiện các quy trình/quy chế/chính sách quản lý nội bộ để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, vận hành hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng nền tảng quản trị rủi ro, cơ chế cảnh báo rủi ro cấp tập đoàn; triển khai đến các cấp trong Công ty, các đơn vị thành viên để áp dụng đồng bộ và nhất quán; duy trì và cải tiến hiệu quả cơ chế kiểm soát hệ thống theo hai cấp (tự kiểm soát & kiểm tra), trong đó, cơ chế tự kiểm soát cần được chú trọng và cải tiến liên tục.
- Các kiến nghị cụ thể sẽ được BKS trình bày và gửi đến HDQT, BDH.

##### b) Kết luận

Qua công tác giám sát và kiểm tra, BKS ghi nhận các hoạt động của Công ty trong năm 2023 đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HDQT.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



Hà Thị Diệu Thu

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI  
VIỆT NAM – CTCP

\*\*\*\*\*

Số: 49/QC-ĐHĐCĐ2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

\*\*\*\*\*

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

## QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CỦA TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

### Căn cứ:

- (i) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- (ii) Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022, có hiệu lực từ ngày 01/03/2022;
- (iii) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- (iv) Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“**Điều lệ**”); và
- (v) Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“**Quy chế quản trị**”).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP được tổ chức và thực hiện theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (gọi tắt là “**Quy chế**”) như sau:

### CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### ĐIỀU 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (gọi tắt là “**ĐHĐCĐ**”) của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (gọi tắt là “**Công ty**” hoặc



“**Vilico**”) bằng hình thức Đại Hội Trực Tuyến (như được định nghĩa tại Khoản 8 Điều 2 dưới đây) và quy định việc Biểu Quyết, Bầu Cử bằng phương thức Bỏ Phiếu Điện Tử (như được định nghĩa tại Khoản 4 Điều 2 dưới đây) của các Cổ Đông tại Đại Hội Trực Tuyến.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông và các bên tham gia Đại Hội Trực Tuyến; điều kiện, thể thức tiến hành Đại Hội Trực Tuyến; cách thức biểu quyết để thông qua nghị quyết về các vấn đề của ĐHĐCĐ và bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm Soát.
3. Cổ Đông, Người Đại Diện Của Cổ Đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

## **ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

1. “**Ban tổ chức ĐHĐCĐ**”: là bộ phận được thành lập để phục vụ công tác chuẩn bị và tổ chức Đại Hội Trực Tuyến.
2. “**Bầu Cử**”: là việc Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện quyền lựa chọn một hoặc một số ứng viên vào Hội Đồng Quản Trị (gọi tắt là “**HDQT**”) và Ban Kiểm Soát (gọi tắt là “**BKS**”) của Công ty.
3. “**Biểu Quyết**”: là việc Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện quyền cho ý kiến về các nội dung, vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
4. “**Bỏ Phiếu Điện Tử**”: là việc Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện việc Biểu Quyết và Bầu Cử thông qua Hệ Thống Trực Tuyến.
5. “**Người Đại Diện Của Cổ Đông**”: là người được Cổ Đông ủy quyền hợp lệ bằng văn bản để tham dự Đại Hội Trực Tuyến và thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử.
6. “**Chương Trình Nghị Sự**”: là các nội dung, vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ để Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử.
7. “**Cổ Đông**”: là người sở hữu cổ phần của Vilico, có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tính đến ngày đăng ký cuối cùng (ngày 11/03/2024) do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.
8. “**Đại Hội Trực Tuyến**”: là hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ có sử dụng phương tiện điện tử để kết nối, truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi diễn biến của cuộc họp, thảo luận, biểu quyết các vấn đề của cuộc họp và thực hiện bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm Soát.
9. “**Đăng Ký Tham Dự Đại Hội Trực Tuyến**”: là việc Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đăng nhập vào Hệ Thống Trực Tuyến và thực hiện xác thực tư cách cổ đông để tham dự Đại Hội Trực Tuyến.



10. **“Địa Điểm Tổ Chức Đại Hội Trực Tuyến”**: là địa điểm mà Chủ tọa có mặt để chủ trì Đại Hội Trực Tuyến.
11. **“Hệ Thống Trực Tuyến”**: là tổng hợp cơ sở hạ tầng kỹ thuật (bao gồm nhưng không giới hạn thiết bị phần cứng, ứng dụng, phần mềm/website) được Công ty thiết lập và sử dụng để tổ chức, vận hành Đại Hội Trực Tuyến và tổ chức thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể truy cập vào Hệ Thống Trực Tuyến để đăng ký tham dự, theo dõi diễn biến, thảo luận, thực hiện Biểu Quyết theo hình thức Bỏ Phiếu Điện Tử.
12. **“Thời Điểm Mở Hệ Thống”**: là thời điểm bắt đầu cho phép Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đăng nhập vào Hệ Thống Trực Tuyến để đăng ký tham dự Đại Hội Trực Tuyến và thực hiện Biểu Quyết, Bầu Cử bằng hình thức Bỏ Phiếu Điện Tử. Hệ Thống Trực Tuyến sẽ được mở chính thức kể từ **0 giờ ngày 19/04/2024** (theo giờ Việt Nam).

## **CHƯƠNG II**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN**

#### **ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CỔ ĐÔNG**

1. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông được tham dự Đại Hội Trực Tuyến, biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Chương Trình Nghị Sự và Bầu Cử theo quy định của Điều lệ, Quy chế này và hướng dẫn của Ban Tổ Chức ĐHĐCĐ.
2. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham gia Đại Hội Trực Tuyến có quyền phát biểu ý kiến và thảo luận tại ĐHĐCĐ thông qua Hệ Thống Trực Tuyến theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.
3. Cổ Đông được đăng nhập vào Hệ Thống Trực Tuyến, theo dõi diễn biến tại cuộc họp ĐHĐCĐ trên các thiết bị điện tử (ví dụ: máy tính, laptop, điện thoại...) và/hoặc thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử thông qua Hệ Thống Trực Tuyến.

Trường hợp Cổ Đông ủy quyền cho Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến và thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này, sau khi nhận được ủy quyền hợp lệ bằng văn bản, Công ty sẽ cấp quyền để Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể truy cập vào Hệ Thống Trực Tuyến và tham dự Đại Hội Trực Tuyến nhân danh Cổ Đông đã thực hiện ủy quyền nói trên.

Cổ Đông đã ủy quyền cho Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự và thực hiện quyền cổ đông tại Đại Hội Trực Tuyến vẫn có thể đăng nhập vào Hệ Thống Trực Tuyến để theo dõi, thảo luận tại Đại Hội Trực Tuyến nhưng Cổ Đông đó sẽ không thể thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử. Cổ Đông chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc ủy quyền và kết quả Bỏ Phiếu Điện Tử trên Hệ Thống Trực Tuyến của Công ty.



4. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có trách nhiệm bảo mật các thông tin cá nhân của mình và các thông tin định danh khác do Công ty cung cấp (như mã xác thực, mã OTP...) để đảm bảo chỉ có Cổ Đông/Người Đại Diện của Cổ Đông mới có thể truy cập vào Hệ Thống Trực Tuyến để tham dự, thảo luận, đóng góp ý kiến và thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử trên Hệ Thống Trực Tuyến.
5. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này, tuân theo sự điều khiển/điều hành của Chủ tọa trong suốt thời gian diễn ra cuộc họp và tôn trọng kết quả của Đại Hội Trực Tuyến. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông không được gây rối hoặc gây mất trật tự trong suốt quá trình diễn ra Đại Hội Trực Tuyến.

#### **ĐIỀU 4. ĐOÀN CHỦ TỌA**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa của Đại Hội Trực Tuyến ("**Chủ tọa**"), với sự hỗ trợ của một số thành viên Hội đồng quản trị (theo đề nghị của Chủ tọa) để cùng tham gia điều hành Đại Hội Trực Tuyến (gọi là "**Đoàn Chủ tọa**").
2. Các thành viên trong Đoàn Chủ tọa tuân theo sự chỉ đạo/điều hành chính của Chủ tọa trong việc điều hành Đại Hội Trực Tuyến. Trong mọi trường hợp, quyết định của Chủ tọa là quyết định cuối cùng.
3. Đoàn Chủ tọa hỗ trợ Chủ tọa điều hành Đại Hội Trực Tuyến theo đúng quy định tại Quy chế này và nội dung Chương Trình Nghị Sự đã được ĐHCĐ thông qua.
4. Đoàn Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để có thể điều khiển Đại Hội Trực Tuyến một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

#### **ĐIỀU 5. BAN THƯ KÝ**

1. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký của Đại Hội Trực Tuyến ("**Ban Thư ký**").
2. Ban Thư ký thực hiện các công việc sau:
  - a) Tiếp nhận, tổng hợp các ý kiến của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông trong suốt quá trình diễn ra Đại Hội Trực Tuyến và chuyển cho Đoàn Chủ tọa;
  - b) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ diễn biến của Đại Hội Trực Tuyến và những vấn đề đã được các Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội Trực Tuyến;
  - c) Soạn thảo nội dung biên bản họp và nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội Trực Tuyến;
  - d) Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa liên quan đến Đại Hội Trực Tuyến.

## **ĐIỀU 6. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG**

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông là bộ phận giúp việc của Ban tổ chức ĐHĐCĐ. Số lượng và thành phần Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức ĐHĐCĐ quyết định.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra các giấy ủy quyền của Cổ Đông gửi về cho Công ty;
- b) Kiểm tra tư cách của Cổ Đông và Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trục Tuyến theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Quy chế này; và
- c) Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước ĐHĐCĐ về số lượng Cổ Đông tham dự Đại Hội Trục Tuyến và tuyên bố khai mạc Đại Hội Trục Tuyến khi đáp ứng điều kiện nêu tại Khoản 1 Điều 9 của Quy chế này.

## **ĐIỀU 7. BAN KIỂM PHIẾU**

1. Ban Kiểm phiếu gồm ba (03) người, bao gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Cổ Đông thông qua.
2. Ban Kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:
  - a) Hướng dẫn cho Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông cách thức thực hiện việc Biểu Quyết và Bầu Cử tại Đại Hội Trục Tuyến bằng hình thức Bỏ Phiếu Trục Tuyến;
  - b) Tiến hành kiểm phiếu Biểu Quyết và phiếu Bầu Cử;
  - c) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu trước ĐHĐCĐ;
  - d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

## **CHƯƠNG III**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ**

## **ĐIỀU 8. ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN**

1. Cổ Đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự Đại Hội Trục Tuyến theo Tài Liệu Hướng Dẫn được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty tại địa chỉ <https://www.vilico.vn/>
2. Ủy quyền tham dự Đại Hội Trục Tuyến:
  - a) Cổ Đông có thể ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần có quyền biểu quyết của mình cho cá nhân hoặc tổ chức khác ("**Người Đại Diện Của Cổ Đông**") thay mặt Cổ Đông tham dự Đại Hội Trục Tuyến và/hoặc thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử.



- b) Việc ủy quyền được xem là hợp lệ và có giá trị pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- (i) Cổ đông chưa truy cập và thực hiện việc Biểu Quyết và/hoặc Bầu Cử trên Hệ Thống Trực Tuyến của Công ty.
  - (ii) Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản ủy quyền (có thể theo mẫu giấy ủy quyền của Công ty hoặc do Cổ Đông tự lập), trong đó phải ghi rõ thông tin của cá nhân/tổ chức được Cổ Đông ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, được ký và đóng dấu (nếu có) bởi bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền.
  - (iii) Công ty nhận được văn bản ủy quyền hợp lệ không trễ hơn ngày 22/04/2024. Văn bản ủy quyền có thể được gửi cho Công ty bằng thư điện tử (email), bằng đường bưu điện hoặc dịch vụ chuyển phát có bảo đảm.
- c) Hủy bỏ ủy quyền: Trường hợp Cổ Đông muốn hủy bỏ việc ủy quyền hợp lệ trước đó, Cổ đông phải gửi văn bản thông báo cho Công ty (giao trực tiếp, gửi bằng email, bằng đường bưu điện hoặc dịch vụ chuyển phát có bảo đảm) không trễ hơn ngày 22/04/2024. Việc hủy bỏ ủy quyền có hiệu lực kể từ thời điểm Công ty nhận được đề nghị bằng văn bản hợp lệ của Cổ Đông.
3. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông truy cập vào đường dẫn (link) được Công ty công bố để xác thực tư cách cổ đông, tham dự Đại Hội Trực Tuyến và thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử.

## **ĐIỀU 9. KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG VÀ ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN**

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông căn cứ vào:
  - (1) Số Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đã thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử trên Hệ Thống Trực Tuyến trong khoảng thời gian từ Thời Điểm Mở Hệ Thống đến thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp (**13 giờ 30 phút ngày 23/04/2024**); và
  - (2) Số Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đăng nhập thành công vào Hệ Thống Trực Tuyến từ **12 giờ 0 đến 13 giờ 30 phút ngày 23/04/2024** để đăng ký tham dự Đại Hội Trực Tuyến.để làm cơ sở xác định tổng số Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến tại thời điểm khai mạc cuộc họp, qua đó xác định tổng số cổ phần mà họ sở hữu và/hoặc đại diện để làm cơ sở xác định đủ điều kiện khai mạc Đại Hội Trực Tuyến theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 của Quy chế này.
2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước ĐHĐCĐ về số lượng Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự, tổng số cổ phần mà các Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến sở hữu và/hoặc đại diện, và tỷ lệ tham dự tại thời điểm khai mạc để xác định đủ điều kiện tiến hành Đại Hội Trực Tuyến.



- Đại Hội Trực Tuyến được tiến hành khi có số Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đăng ký dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (theo danh sách cổ đông tính đến ngày đăng ký cuối cùng là ngày 11/03/2024 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp).

## **ĐIỀU 10. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN**

- Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại Hội Trực Tuyến.
- Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thảo luận tại Đại Hội Trực Tuyến bằng cách phát biểu trực tiếp hoặc gửi câu hỏi/ý kiến cho Đoàn Chủ tọa thông qua Hệ Thống Trực Tuyến. Ban Thư ký có trách nhiệm tổng hợp và tóm tắt câu hỏi, ý kiến của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông và chuyển cho Đoàn Chủ tọa.
- Việc thảo luận và giải đáp câu hỏi, thắc mắc của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông được thực hiện theo nguyên tắc và cách thức như sau:
  - Chủ tọa căn cứ thời gian chương trình cuộc họp để bố trí, sắp xếp việc phát biểu của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông.
  - Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông cần phát biểu ngắn gọn, phù hợp với những nội dung của Chương Trình Nghị Sự. Chủ tọa có quyền loại các câu hỏi ra khỏi nội dung thảo luận và/hoặc dừng việc phát biểu của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông nếu nhận thấy câu hỏi hay việc thảo luận đó trùng lặp hoặc không liên quan đến nội dung Chương Trình Nghị Sự.
  - Trong trường hợp việc thảo luận vượt quá thời gian của chương trình họp, các câu hỏi chưa được trả lời tại Đại Hội Trực Tuyến sẽ được Ban Thư ký ghi nhận và Đoàn Chủ tọa có thể trả lời sau cho Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông bằng email hoặc theo các hình thức khác phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 11. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ CỦA ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN**

- Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại Hội Trực Tuyến thông qua hình thức Bỏ Phiếu Điện Tử theo quy định tại Quy chế này.
- Các Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện quyền biểu quyết trên Hệ Thống Trực Tuyến mà Công ty đã thiết lập.
- Thời điểm biểu quyết:

Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thực hiện biểu quyết vào các thời điểm sau đây:

  - từ Thời Điểm Mở Hệ Thống Trực Tuyến đến trước thời điểm khai mạc Đại Hội Trực Tuyến; hoặc



- (ii) trực tiếp tại Đại Hội Trực Tuyến (bắt đầu từ thời điểm khai mạc và theo diễn biến của Đại Hội Trực Tuyến).
4. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đã thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử vẫn có thể thay đổi ý kiến biểu quyết nhưng việc thay đổi này phải thực hiện trước thời điểm kết thúc Bỏ Phiếu Điện Tử. Kể từ thời điểm kết thúc Bỏ Phiếu Điện Tử trở đi, việc bỏ phiếu trên Hệ Thống Trực Tuyến sẽ bị đóng, và Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu. Công ty sẽ ghi nhận kết quả biểu quyết sau cùng của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông trên Hệ Thống Trực Tuyến.
- a) Thời gian thực hiện biểu quyết đối với các vấn đề của Chương Trình Nghị Sự tại Hội Nghị Trực Tuyến sẽ được Chủ Tọa thông báo. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông phải đảm bảo thực hiện việc biểu quyết trước khi kết thúc thời hạn này.
- b) Cổ Đông hoặc Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến sau khi cuộc họp khai mạc thì vẫn có quyền tham gia biểu quyết. Trong trường hợp này hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó sẽ không bị thay đổi.
5. Thực hiện Biểu Quyết:
- a) Sau khi đăng nhập thành công vào Hệ Thống Trực Tuyến, Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thực hiện biểu quyết các nội dung của Chương Trình Nghị Sự bằng Bỏ Phiếu Điện Tử.
- b) Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu chọn vào một (01) trong ba (03) ô tương ứng “**Tán thành**”, “**Không tán thành**”, “**Không ý kiến**” đối với từng nội dung cần biểu quyết.
- Các kết quả biểu quyết chỉ được tính khi Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông hoàn tất việc biểu quyết đối với tất cả các vấn đề của Chương Trình Nghị Sự và thực hiện gửi kết quả biểu quyết thông qua Hệ Thống Trực Tuyến.
- c) Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông khi gặp vấn đề, sự cố về việc Bỏ Phiếu Điện Tử trên Hệ thống Trực Tuyến có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban Tổ Chức ĐHĐCĐ để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu.
4. Kết Quả Kiểm Phiếu
- a) Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra kết quả Bỏ Phiếu Điện Tử để tổng hợp kết quả biểu quyết của tất cả Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại Đại Hội Trực Tuyến.
- b) Kết quả biểu quyết sẽ được xác định theo từng vấn đề biểu quyết và được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) làm tròn đến hai (02) chữ số thập phân.
- c) Kết quả biểu quyết được Ban Kiểm phiếu ghi nhận trong Biên bản kiểm phiếu và công bố ngay tại Đại Hội Trực Tuyến. Biên bản kiểm phiếu được các thành viên của Ban kiểm



phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

- d) Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung sau:
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông đã tham dự và thực hiện biểu quyết tại Đại Hội Trục Tuyến;
  - Tổng số cổ phần chọn “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến” đối với từng vấn đề biểu quyết và tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại Đại Hội Trục Tuyến; và
  - Các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua.

## **ĐIỀU 12. BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT**

### **1. Cách thức bầu thành viên HĐQT/BKS:**

- a) Việc bầu thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu nhân với tổng số thành viên cần bầu của HĐQT hoặc BKS (tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, tổng số thành viên HĐQT cần bầu là một (01) thành viên, tổng số thành viên BKS cần bầu là một (01) thành viên, do đó tổng số phiếu bầu của Cổ Đông tương ứng với mỗi vị trí (thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS) sẽ đúng bằng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà Cổ Đông đó đang sở hữu/đại diện).

Ví dụ: Cổ Đông Nguyễn Văn A có 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Tổng số phiếu bầu của Cổ Đông Nguyễn Văn A là 10.000 cho việc bầu cử thành viên HĐQT và 10.000 cho việc bầu cử thành viên BKS.

- b) Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông sẽ thực hiện việc bầu thành viên HĐQT/BKS thông qua Hệ Thống Trục Tuyến bằng cách Bỏ Phiếu Điện Tử.

2. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử: Ban Tổ Chức ĐHĐCĐ sẽ dựa vào số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp để xác định ứng viên trúng cử vị trí thành viên HĐQT/BKS. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT/BKS phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.
3. Thời điểm thực hiện bầu cử: Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thực hiện bầu cử:
- (i) từ Thời Điểm Mở Hệ Thống Trục Tuyến đến trước thời điểm khai mạc Đại Hội Trục Tuyến; hoặc
  - (ii) trực tiếp tại Đại Hội Trục Tuyến (bắt đầu từ thời điểm khai mạc cuộc họp cho đến khi kết thúc phiên biểu quyết và bầu cử theo thông báo của Chủ Tọa).
4. Kiểm tra và thông báo kết quả bầu cử:



- a) Ban Kiểm Phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử và lập thành Biên bản kiểm phiếu bầu cử. Biên bản kiểm phiếu bầu cử được các thành viên của Ban Kiểm Phiếu ký xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.
- Biên bản kiểm phiếu bầu cử phải ghi rõ các nội dung sau:
- Tên và tổng số phiếu bầu cho (các) ứng cử viên.
  - Thông tin thành viên HĐQT và thành viên BKS đã trúng cử.
- b) Trưởng Ban kiểm phiếu thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS trước ĐHĐCĐ.

### **ĐIỀU 13. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ**

Tỷ lệ biểu quyết để thông qua các nội dung của Chương Trình Nghị Sự được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

### **ĐIỀU 14. BIÊN BẢN ĐẠI HỘI**

5. Tất cả các nội dung tại Đại Hội Trực Tuyến phải được Thư ký ghi vào Biên bản họp.
6. Biên bản họp phải được công bố trước ĐHĐCĐ và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc.

## **CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **ĐIỀU 15. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành và được áp dụng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP tổ chức vào ngày 23/04/2024.

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**MAI KIỀU LIÊN**

## **THÔNG BÁO**

**V/v: Ứng cử, đề cử ứng viên để bầu làm thành viên Hội đồng quản trị  
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2020-2024**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

Thành viên Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) đương nhiệm là Ông Trịnh Phương Nam có đơn từ nhiệm gửi HĐQT vào ngày 18/03/2024. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 sẽ thực hiện miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông Trịnh Phương Nam cũng như bầu thành viên HĐQT để thay thế.

Để phục vụ cho công tác bầu bổ sung thành viên HĐQT, HĐQT Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Công ty**”) xin trân trọng thông báo đến Quý Cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT như sau:

### **1. ĐIỀU KIỆN ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ**

1.1. Cổ đông là cá nhân đang nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ngày 11/03/2024) và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên HĐQT như quy định tại Mục 2.2 dưới đây, có quyền tự ứng cử làm thành viên HĐQT của Công ty.

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ngày 11/03/2024) sở hữu:

- Từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên để bầu vào HĐQT;





- Từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa tám (08) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ chín mươi phần trăm (90%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên có quyền đề cử tối đa chín (09) ứng viên để bầu vào HĐQT.

## 2. SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2020-2024 ĐƯỢC BẦU BỔ SUNG, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HĐQT

### 2.1. Số lượng

Số lượng thành viên HĐQT cần bầu bổ sung cho nhiệm kỳ 2020-2024 là một (01) thành viên.

### 2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

Những ứng viên được đề cử, ứng cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024 phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 8 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

## 3. HỒ SƠ ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

Hồ sơ ứng cử/đề cử thành viên HĐQT gồm:

- 1) Văn bản đề cử/ứng cử (**Mẫu 01\_HĐQT**)<sup>1</sup>;
- 2) Sơ yếu lý lịch ứng viên (**Mẫu 02\_HĐQT**);
- 3) Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu và các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của ứng viên;
- 4) Thông tin về các vị trí/chức vụ ứng viên đang đảm nhận và/hoặc được đề cử tại Tổ chức khác, kê khai lợi ích và mối quan hệ lợi ích liên quan tới Công ty (**Mẫu 03\_HĐQT**);
- 5) Văn bản cam kết của ứng viên về việc sẽ hành động, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

**Lưu ý:** Các biểu mẫu được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: <https://www.vilico.vn/dai-hoi-co-dong/>

## 4. THỜI GIAN VÀ ĐỊA CHỈ NHẬN HỒ SƠ ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ

Hồ sơ đề cử/ứng cử phải được gửi về Công ty **chậm nhất là 16 giờ ngày 10/04/2024** (giờ Việt Nam) theo địa chỉ sau:

Người nhận: **Hội đồng quản trị - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**  
Địa chỉ: Tầng 14, Tháp A, Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội.  
Email: [ir@vilico.vn](mailto:ir@vilico.vn)

<sup>1</sup> Quý Cổ đông vui lòng lựa chọn một (01) trong ba (03) Mẫu 01A\_HĐQT/Mẫu 01B\_HĐQT/Mẫu 01C\_HĐQT để phù hợp cho từng trường hợp cụ thể.

Hồ sơ cần ghi rõ: “**Hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên HĐQT**”.

**Lưu ý:** Chỉ các Hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên HĐQT đáp ứng đủ các điều kiện được quy định trong Thông báo này mới được xem là hợp lệ. Cổ đông/nhóm cổ đông thực hiện đề cử/ứng cử viên thành viên HĐQT và các ứng cử viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực và chính xác của thông tin được ghi trong Hồ sơ.

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP trân trọng thông báo và đề nghị Quý Cổ đông thực hiện việc đề cử, ứng cử theo Thông báo này.

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**MAI KIỀU LIÊN**







Mẫu 01A HDQT: Thư đề cử thành viên HĐQT (dùng cho Cổ đông đơn lẻ)

**THƯ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP NHIỆM KỲ 2020-2024**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**

Tôi tên là: .....

hiện là cổ đông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“Vilico”).

Giấy CNĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu số: .....

cấp ngày: ..... bởi: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Tổng số cổ phần hiện đang sở hữu tại Vilico là ....., chiếm tỷ lệ .. %  
tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vilico.

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Tôi trân trọng đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây làm ứng viên cho vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2020-2024.

1. Ông/Bà: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

2. Ông/Bà: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

3. Ông/Bà: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Tôi đính kèm theo Thư đề cử này là Sơ yếu lý lịch của ứng viên và các tài liệu kèm theo.

Tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và Điều lệ của Vilico.

Trân trọng kính chào.

....., ngày.....tháng.....năm 2024  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Mẫu 01B-HĐQT: Thư đề cử thành viên HĐQT (dùng cho Nhóm Cổ đông)

**THƯ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP NHIỆM KỲ 2020-2024**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi là các cổ đông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Công ty” hay “Vilico”), bằng văn bản này thỏa thuận hợp thành nhóm cổ đông với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên cổ đông	Số Giấy CNDKDN/CMND/CC CD/Hộ chiếu	Số lượng cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.	.....	.....	.....	..... %
2.	.....	.....	.....	..... %
3.	.....	.....	.....	..... %
4.	.....	.....	.....	..... %
<b>TỔNG</b>			.....	..... %

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Chúng tôi thống nhất cùng đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây cho vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2020-2024.

- Ông/Bà: .....  
Ngày tháng năm sinh: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp.....  
Địa chỉ: .....
- Ông/Bà: .....  
Ngày tháng năm sinh: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp.....  
Địa chỉ: .....
- Ông/Bà: .....  
Ngày tháng năm sinh: .....





CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Chúng tôi đính kèm theo Thư đề cử này là Sơ yếu lý lịch của ứng viên và các tài liệu kèm theo.

Trân trọng kính chào.

....., ngày.....tháng.....năm 2024

### XÁC NHẬN CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	Chữ ký (đối với Cổ đông là cá nhân)/ Chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu (nếu có) đối với Cổ đông là tổ chức
1		
2		
3		
4		





**Mẫu 01C HDQT: Thư ứng cử thành viên HĐQT**

**THƯ ỨNG CỬ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP NHIỆM KỲ 2020-2024**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**

Tôi tên là: .....

hiện là cổ đông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Vilico**”).

Giấy CNĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu số: .....

cấp ngày: ..... bởi: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Tổng số cổ phần hiện đang sở hữu tại Vilico là ....., chiếm tỷ lệ .. %  
tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vilico.

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2020 - 2024 của Vilico.

Nếu được các Cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2020-2024, tôi cam kết đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty, đồng thời cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, hợp lý, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của Công ty và luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật cũng như Điều lệ của Công ty.

Tôi đính kèm theo Thư ứng cử này là Sơ yếu lý lịch của tôi và các tài liệu kèm theo.

Trân trọng kính chào.

....., ngày.....tháng.....năm 2024  
(Ký và ghi rõ họ tên)





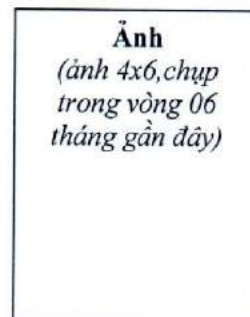
Mẫu 02/HĐQT: Sơ yếu Lý lịch ứng viên

## SƠ YẾU LÝ LỊCH

CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: .....
- Ngày tháng năm sinh: .....
- Nơi sinh: .....
- Giới tính: .....
- Quốc tịch: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... cấp ngày: ..... tại: .....
- Dân tộc: .....
- Quê quán: .....
- Nơi thường trú: .....
- Nơi ở hiện tại: .....
- Chức vụ hiện nay: ..... tại Tổ chức/Đơn vị: .....
- Liên hệ: ..... Mobile: .....
- Email: .....
- Trình độ văn hóa: .....



### 2. Trình độ chuyên môn

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp

### 3. Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có):

#### 4. Quan hệ gia đình

(Kê khai các mối quan hệ gia đình: Cha ruột, Cha nuôi, Mẹ ruột, Mẹ nuôi, Vợ/Chồng, Anh/Chị/Em ruột, Con ruột, Con nuôi)

S T T	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc



Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác, hợp lý và sẽ tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin được kê khai ở trên.

....., ngày.....tháng.....năm 2024  
**Ứng cử viên**





**Mẫu 03 HDQT:** Văn bản kê khai thông tin về các vị trí mà ứng viên đang nắm giữ/được đề cử trong các tổ chức khác, kê khai lợi ích và mối quan hệ lợi ích liên quan tới Vilico

Tôi tên là: .....

CMND/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Nhằm cung cấp đầy đủ các thông tin cho mục đích hoàn thiện hồ sơ ứng viên cho vị trí thành viên Hội đồng quản trị và tăng cường tính minh bạch cho Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("Vilico"), cũng như toàn bộ cổ đông Vilico, tôi xin kê khai các thông tin liên quan đến hồ sơ của mình như sau:

**1. Các vị trí mà ứng viên hiện đang nắm giữ trong các tổ chức khác**

(nếu Có vui lòng điền thông tin dưới đây, nếu Không thì ghi Không vào mục Ghi chú):

STT	Tên Tổ chức	Vị trí	Ngày/ tháng/năm bắt đầu nắm giữ vị trí	Ghi chú
1				
2				
3				

**2. Các vị trí mà ứng viên hiện đang được đề cử/ứng cử ở các công ty khác**

(nếu Có vui lòng điền thông tin dưới đây, nếu Không thì ghi Không vào mục Ghi chú):

STT	Tên Công ty	Vị trí/Chức danh	Ngày tháng nhận đề cử	Ghi chú
1				
2				

**3. Kê khai lợi ích**

(nếu Có vui lòng điền thông tin dưới đây, nếu Không thì ghi Không vào mục Ghi chú):

Kê khai các doanh nghiệp mà ứng viên có sở hữu cổ phần/phần vốn góp:

STT	Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ % cổ phần/phần vốn góp	Ghi chú
1			
2			
3			



Kê khai các tổ chức mà Người có liên quan<sup>1</sup> của ứng viên có sở hữu cổ phần/phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó:

STT	Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ % cổ phần/phần vốn góp	Ghi chú
1			
2			
3			

**4. Kê khai các mối quan hệ với Vilico**

STT	Mối quan hệ			Chi tiết mối quan hệ <i>(Nếu đánh dấu vào cột "Có", cột này sẽ mô tả chi tiết về mối quan hệ lợi ích này và ứng viên sẽ gửi kèm các tài liệu liên quan).</i>
		Có	Không	
1	Mối quan hệ nhân viên với Vilico			(Thông tin về mối quan hệ, thời gian) .....
2	Mối quan hệ kiểm toán, tư vấn với Vilico			(Thông tin về mối quan hệ, thời gian) .....
3	Mối quan hệ sở hữu (cổ đông của Vilico)			.....
4	Mối quan hệ kinh tế			.....
4.1	<i>Quan hệ người bán (Nhà cung cấp)</i>			.....
4.2	<i>Quan hệ người mua (Khách hàng)</i>			.....
4.3	<i>Quan hệ đối tác</i>			.....
5	Quan hệ khác			.....

Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là hoàn toàn trung thực, chính xác, hợp lý và sẽ tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin được kê khai nêu trên.

....., ngày.....tháng.....năm 2024

**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Người có liên quan được định nghĩa tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp hiện hành và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán hiện hành.



Số: 48/TB-HĐQT/2024

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

## THÔNG BÁO

V/v: Ứng cử, đề cử ứng viên để bầu làm thành viên Ban kiểm soát  
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2020-2024

### **Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

Thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) đương nhiệm là Bà Hà Thị Diệu Thu có đơn từ nhiệm gửi Hội đồng quản trị (“HĐQT”) vào ngày 13/03/2024. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 sẽ thực hiện miễn nhiệm chức danh thành viên BKS đối với Bà Hà Thị Diệu Thu cũng như bầu thành viên BKS thay thế.

Để phục vụ cho công tác bầu bổ sung thành viên BKS, HĐQT Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Công ty**”) xin trân trọng thông báo đến Quý Cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên BKS như sau:

#### **1. ĐIỀU KIỆN ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ**

- 1.1. Cổ đông là cá nhân đang nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ngày 11/03/2024) và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên BKS như quy định tại Mục 2.2 dưới đây, có quyền tự ứng cử vào vị trí thành viên BKS của Công ty.
- 1.2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ngày 11/03/2024) sở hữu:
  - Từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào BKS;
  - Từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên để bầu vào BKS;
  - Từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên để bầu vào BKS;
  - Từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên để bầu vào BKS;
  - Từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên để bầu vào BKS;
  - Từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên để bầu vào BKS;
  - Từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên để bầu vào BKS;





- Từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa tám (08) ứng viên để bầu vào BKS;
- Từ chín mươi phần trăm (90%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên có quyền đề cử tối đa chín (09) ứng viên để bầu vào BKS.

## 2. SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN BKS CẦN BẦU, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN BKS

### 2.1. Số lượng

Số lượng thành viên BKS cần bầu bổ sung cho nhiệm kỳ 2020-2024 là một (01) thành viên.

### 2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS

Các ứng viên được đề cử, ứng cử vào BKS của Công ty nhiệm kỳ 2020-2024 phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên BKS theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 37 Điều lệ và Mục 2.b Điều 4 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

## 3. HỒ SƠ ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BKS

Hồ sơ ứng cử/đề cử thành viên BKS gồm:

- 1) Văn bản đề cử/ứng cử (Mẫu 01\_BKS)<sup>1</sup>;
- 2) Sơ yếu lý lịch ứng viên (Mẫu 02\_BKS);
- 3) Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu và các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của ứng viên;
- 4) kê khai thông tin của ứng viên (Mẫu 03\_BKS); và
- 5) Văn bản cam kết của ứng viên về việc sẽ hành động, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên BKS.

**Lưu ý:** Các biểu mẫu được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: <https://www.vilico.vn/dai-hoi-co-dong/>.

## 4. THỜI GIAN VÀ ĐỊA CHỈ NHẬN HỒ SƠ ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ

Hồ sơ đề cử/ứng cử phải được gửi về Công ty **chậm nhất là 16 giờ ngày 10/04/2024** (giờ Việt Nam) theo địa chỉ sau:

Người nhận: **Hội đồng quản trị - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**  
Địa chỉ: Tầng 14, Tháp A, Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội  
Email: [ir@vilico.vn](mailto:ir@vilico.vn)

Hồ sơ cần ghi rõ: "**Hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên BKS**".

**Lưu ý:** Chỉ các Hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên BKS đáp ứng đủ các điều kiện được quy định trong Thông báo này mới được xem là hợp lệ. Cổ đông/nhóm cổ đông thực hiện đề cử/ứng cử viên thành viên BKS và các ứng cử viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực và chính xác của thông tin được ghi trong Hồ sơ.

<sup>1</sup> Quý Cổ đông vui lòng lựa chọn một (01) trong ba (03) Mẫu 01A\_BKS/Mẫu 01B\_BKS/Mẫu 01C\_BKS để phù hợp cho từng trường hợp cụ thể.





Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP trân trọng thông báo và đề nghị Quý Cổ đông thực hiện việc đề cử, ứng cử theo Thông báo này.

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**MAI KIỀU LIÊN**





**Mẫu 01A BKS: Thư đề cử thành viên BKS (dùng cho Cổ đông đơn lẻ)**

**THƯ ĐỀ CỬ  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP NHIỆM KỲ 2020-2024**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**

Tôi tên là: .....

hiện là cổ đông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“**Vilico**”).

Giấy CNĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu số: .....

cấp ngày: ..... bởi: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Tổng số cổ phần hiện đang sở hữu tại Vilico là ....., chiếm tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vilico.

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Tôi trân trọng đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây làm ứng viên cho vị trí thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2024.

1. Ông/Bà: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

2. Ông/Bà: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

3. Ông/Bà: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Tôi đính kèm theo văn bản này là Sơ yếu lý lịch của ứng viên và các tài liệu kèm theo.

Tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và Điều lệ của Vilico.

Trân trọng kính chào.

....., ngày.....tháng.....năm 2024  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)





Mẫu Q1B BKS: Thư đề cử thành viên BKS (dùng cho Nhóm Cổ đông)

**THƯ ĐỀ CỬ  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP NHIỆM KỲ 2020-2024**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi là các cổ đông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Công ty” hay “Vilico”), bằng văn bản này thỏa thuận hợp thành nhóm cổ đông với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên cổ đông	Số Giấy CNĐKDN/CMND/CCCD /Hộ chiếu	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.	.....	.....	.....	..... %
2.	.....	.....	.....	..... %
3.	.....	.....	.....	..... %
4.	.....	.....	.....	..... %
<b>TỔNG</b>			.....	..... %

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Chúng tôi thống nhất cùng đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây cho vị trí thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2024.

- Ông/Bà: .....  
Ngày tháng năm sinh: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp.....  
Địa chỉ: .....
- Ông/Bà: .....  
Ngày tháng năm sinh: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp.....  
Địa chỉ: .....
- Ông/Bà: .....  
Ngày tháng năm sinh: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp.....  
Địa chỉ: .....

Chúng tôi đính kèm theo văn bản này là Sơ yếu lý lịch của ứng viên và các tài liệu kèm theo.  
Trân trọng kính chào.

....., ngày.....tháng.....năm 2024



**XÁC NHẬN CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG**

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	Chữ ký (đối với Cổ đông là cá nhân)/ Chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu (nếu có) đối với Cổ đông là tổ chức
1		
2		
3		
4		







Mẫu ÚIC BKS: Thư ứng cử thành viên BKS

**THƯ ỨNG CỬ  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP NHIỆM KỲ 2020-2024**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**

Tôi tên là: .....

hiện là cổ đông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Vilico**”).

Giấy CNĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu số: .....

cấp ngày: ..... bởi: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Tổng số cổ phần hiện đang sở hữu tại Vilico là ....., chiếm tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vilico.

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2024 của Vilico.

Nếu được các Cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2024, tôi cam kết đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty, đồng thời cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, hợp lý, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của Công ty và luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật cũng như Điều lệ của Công ty.

Tôi đính kèm theo văn bản này là Sơ yếu lý lịch của tôi và các tài liệu kèm theo.

Trân trọng kính chào.

....., ngày.....tháng.....năm 2024  
(Ký và ghi rõ họ tên)



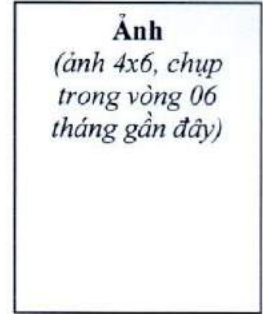
**Mẫu 02 BKS:** Sơ yếu lý lịch ứng viên

## SƠ YẾU LÝ LỊCH

CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO BAN KIỂM SOÁT

### 1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: .....
- Ngày tháng năm sinh: .....
- Nơi sinh: .....
- Giới tính: .....
- Quốc tịch: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... cấp ngày: ..... tại: .....
- Dân tộc: .....
- Quê quán: .....
- Nơi thường trú: .....
- Nơi ở hiện tại: .....
- Chức vụ hiện nay: ..... tại Tổ chức/Đơn vị: .....
- Mobile : .....
- Email: .....
- Trình độ văn hóa: .....



### 2. Trình độ chuyên môn

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp

### 3. Quá trình công tác





Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có):

#### 4. Quan hệ gia đình

(Kê khai các mối quan hệ gia đình: Cha ruột, Cha nuôi, Mẹ ruột, Mẹ nuôi, Vợ/Chồng, Anh/Chị/Em ruột, Con ruột, Con nuôi)

S T T	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc



Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác, hợp lý và sẽ tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin được kê khai ở trên.

....., ngày.....tháng.....năm 2024  
**Ứng cử viên**



**Mẫu 03 BKS: Văn bản kê khai thông tin của ứng viên thành viên Ban Kiểm soát**

Tôi tên là: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Nhằm cung cấp đầy đủ các thông tin cho mục đích hoàn thiện hồ sơ ứng viên cho vị trí thành viên Ban Kiểm soát và tăng cường tính minh bạch cho Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("Vilico") cũng như toàn bộ cổ đông Vilico, tôi xin kê khai các thông tin liên quan đến hồ sơ của mình như sau:

STT	Thông tin	Có	Không	Ghi chú
1	Đang làm việc cho Vilico trong bộ phận kế toán, tài chính.			
2	Đang là thành viên hoặc nhân viên của công ty kiểm toán độc lập cho Vilico trong ba (03) năm gần nhất.			
3	Đang là Người Quản Lý (*) của Vilico (* Người Quản Lý gồm chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác của Vilico do ĐHĐCĐ bổ nhiệm.			
4	Có vợ/chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người Quản Lý khác của Vilico.			
5	Là người đại diện phần vốn của doanh nghiệp khác tại Vilico và Vinamilk (công ty mẹ).			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý.

....., ngày.....tháng.....năm 2024

**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ tên)





Số: /2024/VLC/NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024  
TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 23/04/2024 của Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP ("**Đại hội**");

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (sau đây gọi tắt là "**VLC**" hoặc "**Công ty**") đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau:

- 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") cho năm 2023**  
ĐHĐCĐ thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị cho năm 2023 như được trình bày trong tài liệu họp ĐHĐCĐ.
- 2. Báo cáo của Ban kiểm soát ("**BKS**") cho năm 2023**  
ĐHĐCĐ thông qua báo cáo của Ban kiểm soát cho năm 2023 như được trình bày trong tài liệu họp ĐHĐCĐ.
- 3. Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán**  
ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG như được trình bày trong tài liệu của ĐHĐCĐ.
- 4. Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã kiểm toán trong năm 2023**  
ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn trong năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG như được trình bày trong tài liệu của ĐHĐCĐ.
- 5. Phân phối lợi nhuận cho năm 2023**  
ĐHĐCĐ thông qua nội dung chi trả cổ tức cho năm tài chính 2023 như sau:
  - Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm : 333,8 triệu đồng.
  - Lợi nhuận sau thuế trong năm 2023 : 157,6 triệu đồng.
  - Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2023:
    - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế.





- Trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả là 6%, tương đương 600 đồng/cổ phiếu. HĐQT có trách nhiệm lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, quyết định thời gian chi trả cụ thể theo quy định của pháp luật nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày 23/04/2024.

**6. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của năm 2024**

ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của năm 2024 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu (làm tròn tỷ đồng)	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	% so với thực hiện 2023
1	Doanh thu thuần	3.408,9	3.152,0	8,2%
2	Lợi nhuận trước thuế	251,9	327,3	-23,0%
3	Lợi nhuận sau thuế	221,4	289,1	-23,4%

**7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024**

ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024 là bốn công ty kiểm toán (Big 4) hoạt động tại Việt Nam, gồm:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG);
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC);
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y);
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte).

Giao cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong bốn công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2024.

**8. Thù lao của HĐQT và BKS cho năm 2024**

ĐHĐCĐ thông qua thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2024 như sau:

- Thành viên HĐQT : 8.000.000 đồng/ tháng.
- Trưởng Ban kiểm soát : 8.000.000 đồng/ tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát : 6.000.000 đồng/ tháng.

*Ghi chú: Chủ tịch HĐQT đề nghị không nhận thù lao năm 2024.*

**9. Chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu VLC qua Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)**

ĐHĐCĐ thông qua tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

- Thông qua việc chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán: VLC) từ sàn UPCOM qua niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM (“HOSE”);
- Giao cho HĐQT và Tổng Giám đốc (đại diện pháp luật của Công ty) thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu của VLC trên HOSE;
- Thời gian thực hiện: tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn tất niêm yết cổ phiếu VLC trên HOSE.

**10. Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Ông Trịnh Phương Nam**

ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Ông Trịnh Phương Nam kể từ





ngày 23/04/2024.

**11. Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS của Bà Hà Thị Diệu Thu**

ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS của Bà Hà Thị Diệu Thu kể từ ngày 23/04/2024.

**12. Bầu bổ sung thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ 2020-2024**

ĐHĐCĐ bầu Ông/Bà [...] làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024, có hiệu lực chính thức kể từ ngày 23/04/2024.

**13. Bầu bổ sung thành viên BKS cho nhiệm kỳ 2020-2024**

ĐHĐCĐ bầu Ông/Bà [...] làm thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2024, có hiệu lực chính thức kể từ ngày 23/04/2024.

**Điều 2:** Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật, các Cổ đông của Công ty và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 3:** Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA – CHỦ TỊCH HĐQT**

**MAI KIỀU LIÊN**





**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được  
từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông  
cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến  
ngày 31 tháng 12 năm 2023





**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Các văn bản thành lập** Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 12) là ngày 16 tháng 11 năm 2023.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Bách	Thành viên
	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên
	Ông Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên
	Ông Trịnh Phương Nam	Thành viên (từ ngày 27/4/2023)
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên (đến ngày 27/4/2023)

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Đoàn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/10/2023)
	Ông Trịnh Phương Nam	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/5/2023 đến ngày 19/10/2023)
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc (đến ngày 1/5/2023)
	Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2024)
	Ông Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29/2/2024)
	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/4/2023)

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban
	Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
	Ông Trương Anh Vũ	Thành viên

**Trụ sở đăng ký** 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và các thuyết minh kèm theo (“Báo cáo tình hình sử dụng vốn”) được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 18-03-2024, được trình bày từ trang 4 đến trang 7.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn theo Thuyết minh 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, thông tin tài chính trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở kế toán được trình bày tại Thuyết minh 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

## Cơ sở kế toán, hạn chế đối với người sử dụng và mục đích dự kiến

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ mà chỉ lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm, trong đó trình bày cơ sở kế toán của việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này. Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Tổng Công ty. Do đó, Báo cáo tình hình sử dụng vốn có thể không phù hợp cho các mục đích khác. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi chỉ được lập cho Tổng Công ty và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, và không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00031-24-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 18-03-2024

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Căn cứ theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

### **I. Thông tin chung về đợt phát hành**

1. Tên giấy tờ có giá : Cổ phiếu phổ thông
2. Loại đồng tiền : Đồng Việt Nam (VND)
3. Tổng số cổ phiếu đã phát hành : 40.145.438 cổ phiếu
4. Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
5. Hình thức phát hành : Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
6. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành : 562.036.132.000 VND

Công văn số 6332/UBCK-QLCB ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

### **II. Báo cáo tình hình sử dụng vốn**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 6 năm 2022 (được điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023), Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông để tăng phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật – một Công ty liên doanh của Tổng Công ty và Tập đoàn Sojitz Nhật Bản, qua đó Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật sẽ triển khai thực hiện dự án chăn nuôi bò thịt và các hoạt động giết mổ, chế biến, bảo quản thịt bò và các sản phẩm từ thịt bò (“Dự án bò thịt”).

Dự án bò thịt gồm hai dự án thành phần như sau:

- (a) Dự án “Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo” tại huyện Tam Đảo và huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, được Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 2216/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 chấp thuận Tổng Công ty làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư dự kiến là 1.670 tỷ đồng (“Dự án Tam Đảo”). Dự án Tam Đảo là thành phần chính của Dự án bò thịt, theo đó Tổng Công ty sẽ làm chủ đầu tư của Dự án Tam Đảo cho đến khi hoàn thành xây dựng và đáp ứng đủ điều kiện chuyển nhượng dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, sau đó Tổng Công ty sẽ chuyển nhượng Dự án Tam Đảo cho Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật để tiếp tục triển khai và vận hành; và
- (b) Cơ sở chăn nuôi, vỗ béo bò thịt để bổ trợ cho Dự án Tam Đảo, hiện Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật đang trong giai đoạn tìm kiếm địa điểm phù hợp để triển khai.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tình hình sử dụng vốn này*





**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Tình hình thực tế sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023:

STT	Nội dung	Từ ngày 21/9/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
I.	Số dư tiền đầu kỳ	-
II.	Số tiền thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông	562.036.132.000
III.	Sử dụng vốn	-
V.	Số dư tiền cuối kỳ từ đợt phát hành (I + II - III)	562.036.132.000

**18-03-2024**

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người xem xét:

Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tình hình sử dụng vốn này



## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

#### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

### **2. Cơ sở kế toán và những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là cơ sở kế toán và những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo này.

#### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn bao gồm thông tin tài chính liên quan đến việc sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và là một phần tài liệu trình cho Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty để báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Tổng Công ty.

Báo cáo được lập dựa trên sổ sách kế toán và chứng từ của Tổng Công ty.

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập trên cơ sở thực thu, thực chi theo nguyên tắc giá gốc. Theo cơ sở kế toán này, vốn sử dụng được ghi nhận khi việc thanh toán được thực hiện.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 40.145.438 cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**(c) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

18-03-2024

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người xem xét:



Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc





**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023





**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Các văn bản thành lập** Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 12) là ngày 16 tháng 11 năm 2023.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Bách	Thành viên
	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên
	Ông Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên
	Ông Trịnh Phương Nam	Thành viên (từ ngày 27/4/2023)
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên (đến ngày 27/4/2023)

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Đoàn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/10/2023)
	Ông Trịnh Phương Nam	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/5/2023 đến ngày 19/10/2023)
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc (đến ngày 1/5/2023)
	Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2024)
	Ông Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29/2/2024)
	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/4/2023)

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban
	Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
	Ông Trương Anh Vũ	Thành viên

**Trụ sở đăng ký** 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 18-03-2024





KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 18-03-2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00143-24-1



Wang Toon Kim  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 18-03-2024

Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2023-007-1



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.087.144.663.626</b>	<b>853.366.878.351</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>618.962.235.939</b>	<b>26.073.122.145</b>
Tiền	111		92.062.235.939	11.073.122.145
Các khoản tương đương tiền	112		526.900.000.000	15.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>270.100.000.000</b>	<b>666.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	270.100.000.000	666.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>189.499.839.279</b>	<b>157.654.424.255</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.035.948.436	2.252.593.113
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	187.858.182.045	126.257.445.512
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.565.783.798	33.104.460.630
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.960.075.000)	(3.960.075.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37.870.000</b>	<b>37.870.000</b>
Hàng tồn kho	141		37.870.000	37.870.000
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.544.718.408</b>	<b>3.601.461.951</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		70.451.015	207.716.781
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.262.889.860	1.297.581.332
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(a)	4.211.377.533	2.096.163.838

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>2.172.193.736.583</b>	<b>1.710.164.493.319</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.293.803.865</b>	<b>9.200.213.818</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.165.761.278	8.990.310.567
Nguyên giá	222		52.163.271.431	56.824.083.340
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.997.510.153)	(47.833.772.773)
Tài sản cố định vô hình	227		128.042.587	209.903.251
Nguyên giá	228		686.582.000	686.582.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(558.539.413)	(476.678.749)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>121.179.086.173</b>	<b>10.271.530.741</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	121.179.086.173	10.271.530.741
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>2.043.505.433.408</b>	<b>1.690.343.735.833</b>
Đầu tư vào công ty con	251		1.872.011.636.965	1.520.111.636.965
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		238.833.528.842	238.833.528.842
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29.761.912.327	29.761.912.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(97.101.644.726)	(98.363.342.301)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>215.413.137</b>	<b>349.012.927</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		215.413.137	349.012.927
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>3.259.338.400.209</b>	<b>2.563.531.371.670</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>277.090.989.534</b>	<b>188.996.997.865</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>277.090.989.534</b>	<b>188.996.997.865</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	27.010.706.306	2.608.165.701
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.469.893.000	1.694.893.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	3.042.292.002	847.660.552
Phải trả người lao động	314		1.164.592.012	1.022.493.565
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		270.000.000	182.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	193.224.868.189	138.222.463.069
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	2.232.994.560	2.004.069.120
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	48.675.643.465	42.415.252.858
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.982.247.410.675</b>	<b>2.374.534.373.805</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>2.982.247.410.675</b>	<b>2.374.534.373.805</b>
Vốn cổ phần	411	19	2.124.916.110.000	1.723.461.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.124.916.110.000	1.723.461.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		396.702.829.230	236.741.977.230
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	96.318.310.288	80.559.835.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		364.310.161.157	333.770.830.884
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		230.363.127.084	165.217.237.054
- LNST năm nay	421b		133.947.034.073	168.553.593.830
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.259.338.400.209</b>	<b>2.563.531.371.670</b>

18-03-2024

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người xem xét:

Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	22	3.931.337.382	3.631.691.568
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11	23	2.206.840.895	2.195.654.904
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.724.496.487</b>	<b>1.436.036.664</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	176.528.087.646	219.000.609.374
Chi phí tài chính	22	25	(1.261.697.575)	4.775.424.052
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	18.267.559.735	18.981.881.963
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>161.246.721.973</b>	<b>196.679.340.023</b>
Thu nhập khác	31	27	1.259.231.735	11.149.053.911
Chi phí khác	32	28	2.224.761.844	10.061.819.366
<b>(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(965.530.109)</b>	<b>1.087.234.545</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>160.281.191.864</b>	<b>197.766.574.568</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.696.445.896	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	27.045.559
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>157.584.745.968</b>	<b>197.739.529.009</b>


**18-03-2024**

Người lập:



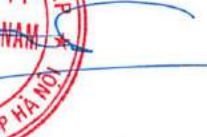
Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người xem xét:



Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>160.281.191.864</b>	<b>197.766.574.568</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	1.288.982.591	2.983.122.461
Các khoản dự phòng	03	(1.032.772.135)	5.004.349.492
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(176.080.705.739)	(221.539.302.801)
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(15.543.303.419)</b>	<b>(15.785.256.280)</b>
Biến động các khoản phải thu	09	7.968.241.871	(8.849.599.812)
Biến động hàng tồn kho	10	-	17.612.620
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	48.743.608.408	131.914.674.938
Biến động chi phí trả trước	12	270.865.556	40.989.232
		<b>41.439.412.416</b>	<b>107.338.420.698</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.779.490.058)	(1.664.639.174)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.618.846.691)	(1.097.596.356)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>38.041.075.667</b>	<b>104.576.185.168</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(139.804.049.750)	(129.619.198.147)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	204.545.455	9.940.433.333
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(570.100.000.000)	(581.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24	966.000.000.000	772.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(351.900.000.000)	(351.900.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	192.440.014.222	212.002.150.610
Tiền thu từ sáp nhập		-	54.572.246.410
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>96.840.509.927</b>	<b>(14.004.367.794)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	561.415.232.000	-
Tiền trả cổ tức	36	(103.407.703.800)	(103.346.770.470)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>458.007.528.200</b>	<b>(103.346.770.470)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>592.889.113.794</b>	<b>(12.774.953.096)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>26.073.122.145</b>	<b>38.848.075.241</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>618.962.235.939</b>	<b>26.073.122.145</b>

**18-03-2024**

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người xem xét:



Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 11 năm 2023.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2023: 2 công ty con và 5 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 33 nhân viên (1/1/2023: 26 nhân viên).

## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                                   |            |
|-----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa và vật kiến trúc        | 5 – 30 năm |
| ▪ Máy móc và thiết bị             | 5 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng              | 3 – 8 năm  |

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty và của công ty mẹ.

**(p) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	4.488.719	17.281.213
Tiền gửi ngân hàng	92.057.747.220	11.055.840.932
Các khoản tương đương tiền	526.900.000.000	15.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>618.962.235.939</b>	<b>26.073.122.145</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	60.000.000.000	510.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	210.100.000.000	146.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	-	10.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>270.100.000.000</b>	<b>666.000.000.000</b>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – C.T.C.P**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	%	% quyền biểu quyết	31/12/2023		Giá trị hợp lý VND
					Giá gốc VND	Dự phòng VND	
<b>(b) Đầu tư tài chính dài hạn</b>							
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
▪ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Sơn La	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-	(**)
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Hà Nội	-	51,00%	51,00%	727.260.000.000	-	(**)
					<b>1.872.011.636.965</b>		
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(**)
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(**)
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-	(**)
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – C.T.C.P (*)	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(27.580.785.059)	(**)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000	(42.611.464.032)	(**)
					<b>238.833.528.842</b>	<b>(74.806.832.399)</b>	
<b>Đơn vị khác</b>							
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)
▪ Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(**)
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)
					<b>29.761.912.327</b>	<b>(22.294.812.327)</b>	
					<b>2.140.607.078.134</b>	<b>(97.101.644.726)</b>	



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		<b>1/1/2023</b>					
	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>% sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>			
				<b>Giá gốc VND</b>			
				<b>Dự phòng VND</b>			
				<b>Giá trị hợp lý VND</b>			
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
▪ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Sơn La	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-	(**)
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Hà Nội	-	51,00%	51,00%	375.360.000.000	-	(**)
					1.520.111.636.965	-	
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(**)
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(**)
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-	(**)
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*)	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(28.210.553.284)	(**)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000	(43.243.393.382)	(**)
					238.833.528.842	(76.068.529.974)	
<b>Đơn vị khác</b>							
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)
▪ Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(**)
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)
					29.761.912.327	(22.294.812.327)	
					1.788.707.078.134	(98.363.342.301)	

## Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.
- (\*\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch thấp cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	177.277.680	420.108.620
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	139.955.959	186.109.653
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.269.707.441	1.262.367.484
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	239.000.000
Các khách hàng khác	210.007.356	145.007.356
	<hr/>	<hr/>
	2.035.948.436	2.252.593.113

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Maeda Việt Nam (*)	122.195.632.115	118.800.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng (*)	25.867.523.065	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt (*)	20.949.748.627	-
Công ty Cổ phần Công nghệ SMOSA Việt Nam (*)	13.706.216.084	-
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.417.987.154	3.736.370.512
	187.858.182.045	126.257.445.512

(\*) Đây là khoản tiền tạm ứng liên quan đến Dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối (“Dự án”) tại huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	-	13.200.000.000
<b>Bên thứ ba</b>		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	528.800.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.185.389.863	17.097.316.439
Phải thu người lao động	623.112.310	941.902.349
Phải thu khác	1.228.481.625	1.336.441.842
	3.565.783.798	33.104.460.630

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCN**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND
				Dự phòng VND
				Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ khó có khả năng thu hồi</i>				
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	(3.721.075.000)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	(239.000.000)	-	(239.000.000)
	<b>3.960.075.000</b>	<b>(3.960.075.000)</b>	<b>-</b>	<b>(3.960.075.000)</b>

*Trong đó:*  
 Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(3.960.075.000)



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTPC**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	45.411.891.461	6.310.727.287	4.775.363.138	326.101.454	56.824.083.340
Mua mới	-	34.500.000	-	-	34.500.000
Thanh lý	-	(4.695.311.909)	-	-	(4.695.311.909)
Số dư cuối năm	45.411.891.461	1.649.915.378	4.775.363.138	326.101.454	52.163.271.431
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	39.055.006.040	5.290.271.546	3.162.393.733	326.101.454	47.833.772.773
Khấu hao trong năm	616.993.140	221.817.161	368.311.626	-	1.207.121.927
Thanh lý	-	(4.043.384.547)	-	-	(4.043.384.547)
Số dư cuối năm	39.671.999.180	1.468.704.160	3.530.705.359	326.101.454	44.997.510.153
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	6.356.885.421	1.020.455.741	1.612.969.405	-	8.990.310.567
Số dư cuối năm	5.739.892.281	181.211.218	1.244.657.779	-	7.165.761.278

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có tài sản cố nguyên giá 28.719 triệu VND (1/1/2023: 26.832 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	10.271.530.741	780.167.941
Tăng trong năm	110.907.555.432	9.491.362.800
Số dư cuối năm	<u>121.179.086.173</u>	<u>10.271.530.741</u>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Dự án bò thịt Tam Đảo	85.652.152.713	10.271.530.741
Dự án Nhà máy sữa Hưng Yên	32.862.278.915	-
Dự án Đầu tư xây dựng tòa nhà Vilico Tower	2.664.654.545	-
	<u>121.179.086.173</u>	<u>10.271.530.741</u>

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>
Lỗi tính thuế	-	-	18.501.385.244	3.700.277.049

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	1.359.900	-
<b>Các bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52	22.922.737.736	-
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thái Sơn	2.560.507.506	-
Tập đoàn SOJITZ	-	2.159.514.000
Các bên khác	1.526.101.164	448.651.701
	<b>27.010.706.306</b>	<b>2.608.165.701</b>

**14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải thu/ (phải nộp) trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.571.622	1.779.490.058	-	1.782.061.680
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.093.340.566	(2.696.445.896)	1.779.490.058	1.176.384.728
Các loại thuế khác	251.650	2.381.309.894	(1.128.630.419)	1.252.931.125
	<b>2.096.163.838</b>	<b>1.464.354.056</b>	<b>650.859.639</b>	<b>4.211.377.533</b>

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	77.753.570	5.098.364.556	(2.992.288.287)	2.183.829.839
Thuế thu nhập cá nhân	113.127.976	2.407.367.621	(2.318.812.442)	201.683.155
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	656.779.006	1.851.522.417	(1.851.522.415)	656.779.008
Các loại thuế khác	-	237.971.297	(237.971.297)	-
	<b>847.660.552</b>	<b>9.595.225.891</b>	<b>(7.400.594.441)</b>	<b>3.042.292.002</b>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận tiền tạm ứng từ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (*)	177.949.005.870	132.000.000.000
Kinh phí công đoàn	153.579.880	290.567.680
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.300.000	135.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.078.982.439	5.796.895.389
	<b>193.224.868.189</b>	<b>138.222.463.069</b>

(\*) Theo thỏa thuận khung về đầu tư được ký kết ngày 5 tháng 9 năm 2022 giữa Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP, Sojitz Corporation (Nhà đầu tư của Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật), Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Công ty mẹ của Tổng Công ty), và Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (Công ty con của Tổng Công ty), Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP sẽ là chủ đầu tư của dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối (“Dự án”) tại Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc. Trong giai đoạn đầu tư tiếp theo, sau khi việc xây dựng dự án được hoàn thành và Dự án đáp ứng đủ điều kiện để chuyển nhượng, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP dự kiến chuyển nhượng Dự án cho Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Phần vốn góp để thực hiện dự án là phần vốn góp chung của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP và Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Đây là khoản tiền Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật tạm ứng trước theo thỏa thuận cho Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP để thực hiện Dự án.

**16. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng tiền thuê đất đang được tạm tính theo đơn giá do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho giai đoạn từ tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 do khu đất đang sử dụng chưa có hợp đồng thuê và thông báo nộp tiền thuê đất để làm căn cứ xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	42.415.252.858	33.784.204.153
Trích lập trong năm	7.879.237.298	9.728.645.061
Sử dụng trong năm	(1.618.846.691)	(1.097.596.356)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	48.675.643.465	42.415.252.858
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTPC**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	631.010.000.000	-	61.102.545.573	245.863.752.028	937.976.297.601
Phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện sáp nhập với GTN	1.562.483.090.000	-	-	-	1.562.483.090.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	197.739.529.009	197.739.529.009
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	19.457.290.118	(19.457.290.118)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.728.645.061)	(9.728.645.061)
Trả cổ tức	-	-	-	(103.407.703.800)	(103.407.703.800)
Tăng/(giảm) do sáp nhập	(470.031.360.000)	236.741.977.230	-	22.761.188.826	(210.528.193.944)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	1.723.461.730.000	236.741.977.230	80.559.835.691	333.770.830.884	2.374.534.373.805
Phát hành thêm cổ phiếu	401.454.380.000	159.960.852.000	-	-	561.415.232.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	157.584.745.968	157.584.745.968
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.758.474.597	(15.758.474.597)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.879.237.298)	(7.879.237.298)
Trả cổ tức	-	-	-	(103.407.703.800)	(103.407.703.800)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	2.124.916.110.000	396.702.829.230	96.318.310.288	364.310.161.157	2.982.247.410.675

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, Tổng Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 với tỷ lệ 10% tương ứng với số tiền 15.758.474.597 VND (2022: 19.457.290.118 VND) và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 với tỷ lệ 5% tương ứng với số tiền 7.879.237.298 VND (2022: 9.728.645.061 VND).





**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	212.491.611	2.124.916.110.000	172.346.173	1.723.461.730.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	172.346.173	1.723.461.730.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	172.346.173	1.723.461.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	172.346.173	1.723.461.730.000	172.346.173	1.723.461.730.000
Cổ phiếu phát hành trong năm (*)	40.145.438	401.454.380.000	-	-
Số dư cuối năm	212.491.611	2.124.916.110.000	172.346.173	1.723.461.730.000

(\*) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành công văn số 6332/UBCK-QLCB ngày 21 tháng 9 năm 2023 công nhận kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Tổng Công ty.

**20. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	2.889.277.638	3.319.255.984
Từ hai đến năm năm	9.221.817.941	10.925.962.145
Trên năm năm	32.119.055.327	54.571.898.942
	<hr/>	<hr/>
	44.230.150.906	68.817.117.071

**22. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cung cấp dịch vụ	3.931.337.382	3.631.691.568

**23. Giá vốn dịch vụ đã cung cấp**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.206.840.895	2.195.654.904

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức được chia	130.459.942.000	166.135.099.500
Lãi tiền gửi và cho vay	46.068.145.646	52.865.509.874
	<hr/>	<hr/>
	176.528.087.646	219.000.609.374



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Dự phòng đầu tư tài chính	(1.261.697.575)	4.775.424.052

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	9.835.220.996	8.577.812.971
Chi phí khấu hao	452.344.630	508.983.933
Thuế, phí và lệ phí	540.157.074	1.963.866.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.601.480.267	5.874.394.169
Chi phí bằng tiền khác	2.838.356.768	2.056.824.463
	<b>18.267.559.735</b>	<b>18.981.881.963</b>

**27. Thu nhập khác**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	204.545.455	9.940.433.333
Thu nhập khác	1.054.686.280	1.208.620.578
	<b>1.259.231.735</b>	<b>11.149.053.911</b>

**28. Chi phí khác**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí khấu hao các tài sản tạm thời không sử dụng	342.795.660	1.799.078.558
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	651.927.362	7.401.739.906
Chi phí khác	1.230.038.822	861.000.902
	<b>2.224.761.844</b>	<b>10.061.819.366</b>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	9.961.940.665	8.577.812.971
Chi phí khấu hao	946.186.931	1.184.043.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.175.861.748	9.741.414.545
Chi phí khác	4.047.615.626	3.855.903.021

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	160.281.191.864	197.766.574.568
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	32.056.238.373	39.553.314.914
Chi phí không được khấu trừ	432.472.972	488.874.603
Thu nhập không bị tính thuế	(26.091.988.400)	(33.227.019.900)
Lỗ tính thuế đã được sử dụng bởi GTN	-	(884.537.410)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(3.700.277.049)	(5.903.586.648)
	<b>2.696.445.896</b>	<b>27.045.559</b>

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>		
Chi trả cổ tức	70.312.500.000	70.312.500.000
Tặng vốn góp bằng mua cổ phiếu	410.156.250.000	-
<b>Công ty con</b>		
<i>Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	725.703.982	719.594.858
Cổ tức được chia	130.459.942.000	163.075.099.500
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật</i>		
Góp vốn	351.900.000.000	351.900.000.000
Nhận tạm ứng về chuyển nhượng dự án	45.949.005.870	132.000.000.000
Bán hàng hóa, dịch vụ	348.357.769	-
Mua hàng hóa	33.033.462	-
<b>Công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội</b>		
Thu nhập từ lợi nhuận được chia	-	3.060.000.000

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Thù lao và lương của người quản lý chủ chốt**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Tổng thù lao</b>	<b>384</b>	<b>364</b>
Bà Mai Kiều Liên – Chủ tịch	-	60
Ông Nguyễn Hồng Bách – Thành viên	96	56
Ông Lê Thành Liêm – Thành viên	96	56
Ông Đỗ Hoàng Phúc – Thành viên	96	56
Ông Trịnh Phương Nam – Thành viên (từ ngày 27/4/2023)	64	-
Ông Trịnh Quốc Dũng – Thành viên (đến ngày 27/4/2023)	32	96
Ông Trần Chí Sơn – Thành viên (đến ngày 8/6/2022)	-	40
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
<b>Tổng thù lao</b>	<b>1.120</b>	<b>997</b>
Ông Đoàn Quốc Khánh – Tổng Giám đốc (từ ngày 20/10/2023)	129	-
Ông Trịnh Phương Nam – Tổng Giám đốc (từ ngày 1/5/2023 đến ngày 19/10/2023)	281	-
Ông Trịnh Quốc Dũng – Tổng Giám đốc (đến ngày 1/5/2023)	242	527
Ông Trần Chí Sơn – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29/2/2024)	346	194
Ông Nguyễn Đăng Khoa – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/4/2023)	122	276
<b>Ban Kiểm soát</b>		
<b>Tổng thù lao</b>	<b>240</b>	<b>228</b>
Bà Hà Thị Diệu Thu – Trưởng ban	96	96
Ông Trịnh Công Sơn – Thành viên	72	78
Ông Trương Anh Vũ – Thành viên	72	48
Ông Trịnh Công Tuyển – Thành viên (đến ngày 8/6/2022)	-	6

**32. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**18-03-2024**

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường  
 Kế toán trưởng

Người xem xét:

Nguyễn Đức Nam  
 Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

Đoàn Quốc Khánh  
 Tổng Giám đốc







**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Các văn bản thành lập** Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 12) là ngày 16 tháng 11 năm 2023.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Bách	Thành viên
Ông Lê Thành Liêm	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên
Ông Trịnh Phương Nam	Thành viên (từ ngày 27/4/2023)
Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên (đến ngày 27/4/2023)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đoàn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/10/2023)
Ông Trịnh Phương Nam	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/5/2023 đến ngày 19/10/2023)
Ông Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc (đến ngày 1/5/2023)
Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2024)
Ông Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29/2/2024)
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/4/2023)

**Ban Kiểm soát**

Bà Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban
Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
Ông Trương Anh Vũ	Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 18-03-2024



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 18-03-2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.







## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00143-24-2



---

Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0557-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **18-03-2024**

---

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2023-007-1

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>4.395.841.797.909</b>	<b>3.561.563.542.578</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.333.640.975.908</b>	<b>743.764.825.266</b>
Tiền	111		165.271.086.233	66.764.825.266
Các khoản tương đương tiền	112		1.168.369.889.675	677.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.212.175.239.600</b>	<b>2.111.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	2.212.175.239.600	2.111.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>565.559.399.399</b>	<b>455.008.042.146</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	209.426.858.305	193.163.559.407
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	199.127.134.212	158.994.999.350
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	161.105.281.882	106.809.558.389
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.099.875.000)	(3.960.075.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>210.159.908.095</b>	<b>209.953.828.786</b>
Hàng tồn kho	141		213.712.842.801	211.775.717.415
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.552.934.706)	(1.821.888.629)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>74.306.274.907</b>	<b>41.836.846.380</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	8.294.069.928	6.136.087.381
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.173.581.908	15.496.939.808
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	41.838.623.071	20.203.819.191

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.518.694.296.782</b>	<b>1.336.812.997.246</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn khác</b>	<b>210</b>		<b>309.215.750</b>	<b>288.468.600</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	309.215.750	288.468.600
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>940.851.444.594</b>	<b>841.030.727.251</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	498.591.750.755	363.647.004.349
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.446.050.755.948</i>	<i>1.234.160.309.361</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(947.459.005.193)</i>	<i>(870.513.305.012)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	12	442.259.693.839	477.383.722.902
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>694.627.026.579</i>	<i>694.102.346.576</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(252.367.332.740)</i>	<i>(216.718.623.674)</i>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>239.769.884.354</b>	<b>107.127.735.141</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	11.324.330.731	11.391.545.403
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	228.445.553.623	95.736.189.738
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>180.672.273.260</b>	<b>194.042.601.462</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	173.121.453.660	186.491.781.862
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	29.845.631.927	29.845.631.927
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(22.294.812.327)	(22.294.812.327)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>157.091.478.824</b>	<b>194.323.464.792</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	18.814.363.410	9.953.977.573
Lợi thế thương mại	269	17	138.277.115.414	184.369.487.219
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>5.914.536.094.691</b>	<b>4.898.376.539.824</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>507.288.445.735</b>	<b>441.483.489.059</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>383.348.951.078</b>	<b>301.263.026.624</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	153.446.507.473	106.774.996.534
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.253.225.266	2.385.720.705
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	3.221.153.642	1.307.871.475
Phải trả người lao động	314		20.834.169.802	22.525.106.419
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	86.962.286.651	63.962.270.314
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	22.519.295.983	27.900.424.333
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.232.994.560	2.004.069.118
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	91.879.317.701	74.402.567.726
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>123.939.494.657</b>	<b>140.220.462.435</b>
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	1.063.378.252	3.711.780.002
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16(a)	119.587.417.399	133.250.351.038
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.288.699.006	3.258.331.395
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>5.407.247.648.956</b>	<b>4.456.893.050.765</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>5.407.247.648.956</b>	<b>4.456.893.050.765</b>
Vốn cổ phần	411	24	2.124.916.110.000	1.723.461.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.124.916.110.000	1.723.461.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.192.426.603.378	1.032.465.751.378
Vốn khác của chủ sở hữu	414		37.813.265.256	37.813.265.256
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.809.947.101)	(64.809.947.101)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	132.180.196.331	94.218.764.359
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		368.973.120.483	383.821.807.159
- LNST chưa phân phối (lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		280.414.103.359	(318.652.005.629)
- LNST năm nay	421b		88.559.017.124	702.473.812.788
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.615.748.300.609	1.249.921.679.714
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>5.914.536.094.691</b>	<b>4.898.376.539.824</b>

18-03-2024

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người xem xét:

Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	3.154.135.415.593	3.141.724.414.769
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	2.130.324.193	1.429.539.473
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>3.152.005.091.400</b>	<b>3.140.294.875.296</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	28	2.205.689.908.842	2.176.695.145.121
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>946.315.182.558</b>	<b>963.599.730.175</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	266.335.775.571	158.159.542.030
Chi phí tài chính	22	30	951.991.578	5.507.398.072
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	636.335.055
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(13.370.328.202)	(3.274.852.245)
Chi phí bán hàng	25	31	725.680.456.134	697.864.020.304
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	143.451.212.742	127.432.496.522
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>329.196.969.473</b>	<b>287.680.505.062</b>
Thu nhập khác	31	33	17.468.070.584	27.384.749.853
Chi phí khác	32	34	19.361.117.580	57.655.200.608
<b>Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.893.046.996)</b>	<b>(30.270.450.755)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>327.303.922.477</b>	<b>257.410.054.307</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	51.858.741.460	34.137.728.602
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(13.662.933.640)	(14.269.564.638)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>289.108.114.657</b>	<b>237.541.890.343</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)</b>	60		289.108.114.657	237.541.890.343
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông phổ thông của Công ty mẹ	61		156.602.643.769	115.961.288.861
Cổ đông không kiểm soát	62		132.505.470.888	121.580.601.482
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	689	461

**18-03-2024**

Người lập:

  
Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người xem xét:

  
Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

  
Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>327.303.922.477</b>	<b>257.410.054.307</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	175.599.324.268	165.343.207.345
Các khoản dự phòng	03	2.130.139.130	6.065.263.238
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	403.325	765.052
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(239.133.935.829)	(123.304.683.731)
Chi phí lãi vay	06	-	636.335.055
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>265.899.853.371</b>	<b>306.150.941.266</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(33.273.381.650)	(26.018.527.910)
Biến động hàng tồn kho	10	(1.937.125.386)	(14.079.148.018)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	68.407.160.998	13.732.504.666
Biến động chi phí trả trước	12	(10.643.292.041)	(499.327.056)
		<b>288.453.215.292</b>	<b>279.286.442.948</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(799.033.504)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(64.871.125.625)	(45.034.986.128)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.300.000	11.920.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(27.847.536.691)	(34.188.637.917)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>195.737.852.976</b>	<b>199.275.705.399</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(388.846.099.123)	(269.705.612.858)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	3.593.995.046	20.461.430.162
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn và ứng vốn đầu tư cho các hộ nông dân	23	(3.423.910.239.600)	(2.511.304.436.335)
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn và nhận lại ứng vốn đầu tư	24	3.280.932.064.438	2.924.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	215.804.258.930	157.110.698.968
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(312.426.020.309)</b>	<b>320.562.079.937</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	899.515.232.000	338.100.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(77.155.349.198)
Tiền trả cổ tức	36	(192.950.510.700)	(215.228.086.970)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>706.564.721.300</b>	<b>45.716.563.832</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>589.876.553.967</b>	<b>565.554.349.168</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>743.764.825.266</b>	<b>178.211.241.150</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(403.325)</b>	<b>(765.052)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>1.333.640.975.908</b>	<b>743.764.825.266</b>

18-03-2024

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người xem xét:



Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



# **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

## **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 11 năm 2023.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con, và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

#### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2023: 2 công ty con và 5 công ty liên kết) như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	31/12/2023		1/1/2023	
				Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
<b>Công ty con</b>							
1	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ bò	Tỉnh Sơn La	59,30%	59,30%	59,30%	59,30%
2	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật		Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
<b>Công ty liên kết</b>							
1	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi	Hà Nội	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
2	Công ty Cổ phần Dầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	Hải Phòng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
3	Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*)	Kinh doanh, sản xuất chè	Hà Nội	16,23%	16,23%	16,23%	16,23%
4	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Chế biến rượu các loại, nhân điều	Tỉnh Lâm Đồng	38,30%	38,30%	38,30%	38,30%
5	Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Sản xuất ống nhựa, và các sản phẩm từ plastic	Tỉnh Quảng Nam	40,06%	40,06%	40,06%	40,06%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có 866 nhân viên (1/1/2023: 859 nhân viên).

(\*) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu

## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(iii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

#### **(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

#### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

**Gia súc**

Gia súc được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của gia súc bao gồm tất cả các chi phí thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp đã phát sinh để hình thành và nuôi lớn gia súc cho đến khi đưa gia súc đến trạng thái hoạt động cho mục đích sản xuất đã dự kiến (khi gia súc đạt đủ 16 tháng tuổi).

## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### ***Tài sản cố định hữu hình khác***

Tài sản cố định hữu hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khác bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình khác đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình khác vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình khác.

#### **(ii) *Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ Máy móc và thiết bị	4 – 30 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ Gia súc	4 – 8 năm
▪ Tài sản khác	3 – 8 năm

#### **(h) *Tài sản cố định vô hình***

##### **(i) *Lợi thế quyền thuê đất, lợi thế thương hiệu và lợi thế vùng nguyên liệu***

Lợi thế quyền thuê đất, lợi thế thương hiệu và lợi thế vùng nguyên liệu là các tài sản cố định vô hình mà Tổng Công ty có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại thời điểm Tổng Công ty mua các công ty con.

Lợi thế quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian còn lại của các hợp đồng thuê đất. Lợi thế thương hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm. Lợi thế vùng nguyên liệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 18 năm.

##### **(ii) *Phần mềm máy vi tính và phần mềm quản lý***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới và phần mềm quản lý mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính và phần mềm quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

##### **(i) *Xây dựng cơ bản dở dang***

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biên quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(l) Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi**

Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi được thành lập với mục tiêu đảm bảo hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi từ hao hụt bò và bê. Đối tượng tham gia và đóng góp vào Quỹ này là các hộ chăn nuôi tham gia ký “Hợp đồng mua bán sữa bò tươi” với Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”), một công ty con của Tổng Công ty. Việc tham gia Quỹ này được thực hiện trên cơ sở tự nguyện. Quỹ không được sử dụng để thực hiện bất kỳ một hoạt động kinh doanh nào của MCM mà chỉ phục vụ mục đích nêu trên. Quỹ không được trả lại cho các hộ khi bị thanh lý hợp đồng, kể cả trong trường hợp các hộ này chấm dứt tham gia vào quỹ, trừ trường hợp giải thể quỹ hoặc theo thỏa thuận giữa các bên.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, MCM dừng việc thu Quỹ, số dư của Quỹ được chi trả cho các hộ chăn nuôi theo quy chế của Quỹ cho tới khi chi hết Quỹ. Trong quá trình hoạt động, khoản tiền mặt tạm thời chưa sử dụng có thể được gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng. Lãi phát sinh trên tài khoản tiết kiệm của Quỹ được ghi nhận tăng tương ứng vào tài khoản Quỹ trên cơ sở thực thu tiền.

**(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

## Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### *Dự phòng trợ cấp thôi việc*

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và các công ty con và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

#### (o) Vốn cổ phần

##### *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

#### (p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(r) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(s) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(t) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

#### **(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến bò sữa. Do đó, Tổng Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

#### **(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

#### **(w) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong năm trước.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	57.918.453	106.629.778
Tiền gửi ngân hàng	165.213.167.780	66.658.195.488
Trong đó:		
- Số dư tài khoản tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (i)	244.412.019	3.342.720.190
Các khoản tương đương tiền (ii)	1.168.369.889.675	677.000.000.000
Trong đó:		
- Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (i)	3.065.322.000	9.000.000.000
	<b>1.333.640.975.908</b>	<b>743.764.825.266</b>

- (i) Số dư tài khoản tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi được theo dõi trên một tài khoản ngân hàng riêng. Tiền gửi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi chỉ được sử dụng cho mục đích hỗ trợ các hộ chăn nuôi nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
- (ii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>
	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.212.175.239.600	2.111.000.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	2.212.175.239.600	2.111.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng trong nước. Trong đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 2.075.239.600 VND tiền gửi có kỳ hạn từ nguồn Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (1/1/2023: 6.000.000.000 VND). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	<b>31/12/2023</b>				<b>Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>% sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>		
<b>Địa chỉ</b>						
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	38,30%	92.660.338.783	(*)
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	7.400.000	16,23%	16,23%	16,23%	44.974.235.835	(*)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	40,06%	40,06%	24.888.342.921	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	30,00%	-	(*)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	-	36,00%	36,00%	36,00%	10.598.536.121	(*)
					<b>173.121.453.660</b>	

	<b>1/1/2023</b>				<b>Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>% sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>		
<b>Địa chỉ</b>						
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	38,30%	108.377.806.387	(*)
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	7.400.000	16,23%	16,23%	16,23%	44.379.043.503	(*)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	40,06%	40,06%	24.257.118.267	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	30,00%	-	(*)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	-	36,00%	36,00%	36,00%	9.477.813.705	(*)
					<b>186.491.781.862</b>	

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – C.T.C.P**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

		<b>31/12/2023</b>				<b>Giá trị hợp lý VND</b>
<b>Địa chỉ</b>	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>% sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(*)
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	7.730	0,09%	0,09%	83.719.600	-	(*)
				<b>29.845.631.927</b>	<b>(22.294.812.327)</b>	

		<b>1/1/2023</b>				<b>Giá trị hợp lý VND</b>
<b>Địa chỉ</b>	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>% sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(*)
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	7.730	0,13%	0,13%	83.719.600	-	(*)
				<b>29.845.631.927</b>	<b>(22.294.812.327)</b>	

(\*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch trên thị trường thấp cho các khoản đầu tư này, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – công ty mẹ	35.267.030.828	54.133.995.274
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.269.707.441	-
Công ty TNHH Aeon Việt Nam	1.579.868.980	-
Công ty TNHH Vũ Xuân Bình	-	10.111.873.597
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Thuận Hưng	-	6.079.344.230
Các khách hàng khác	171.310.251.056	122.838.346.306
	209.426.858.305	193.163.559.407

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 40 - 47 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Maeda Việt Nam (*)	122.195.632.115	118.800.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	25.867.523.065	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt	20.949.748.627	-
Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam	1.077.333.450	8.187.318.570
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	25.315.821.955	28.286.605.780
	199.127.134.212	158.994.999.350

(\*) Đây là khoản tiền tạm ứng theo hợp đồng thiết kế và xây dựng Dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối (“Dự án”) tại huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu khác**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP	12.337.000	12.337.000
<b>Bên khác</b>		
Lãi tiền gửi	126.487.849.629	82.781.453.432
Đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi	24.542.700.000	20.004.600.000
Phải thu khác	10.062.395.253	4.011.167.957
	<hr/>	<hr/>
	161.105.281.882	106.809.558.389
	<hr/>	<hr/>

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký cược, ký quỹ	309.215.750	288.468.600
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2023		1/1/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	
				Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ khó có khả năng thu hồi</i>					
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	3.721.075.000	(3.721.075.000)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	(239.000.000)	-	239.000.000	(239.000.000)
Công ty TNHH Usan Mandes	139.800.000	(139.800.000)	-	-	-
	<b>4.099.875.000</b>	<b>(4.099.875.000)</b>	<b>-</b>	<b>3.960.075.000</b>	<b>(3.960.075.000)</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(4.099.875.000)

(3.960.075.000)

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.603.919.109	-
Nguyên vật liệu	147.277.620.727	(1.754.923.165)	159.533.378.953	(496.026.179)
Công cụ và dụng cụ	2.684.341.574	(293.843.525)	2.787.349.536	(384.818.698)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.280.329.333	-	23.792.379.060	-
Thành phẩm	29.967.489.257	(1.504.168.016)	23.800.022.413	(941.043.752)
Hàng hóa	503.061.910	-	152.847.858	-
Hàng gửi đi bán	-	-	105.820.486	-
	<b>213.712.842.801</b>	<b>(3.552.934.706)</b>	<b>211.775.717.415</b>	<b>(1.821.888.629)</b>



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Gia súc VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	238.914.806.805	836.725.267.717	77.117.518.980	10.820.607.269	60.982.149.067	9.599.959.523	1.234.160.309.361
Tăng trong năm	2.077.352.259	36.812.446.124	2.350.952.599	3.596.178.148	409.550.000	-	45.246.479.130
Chuyển từ chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-	16.369.733.493	-	16.369.733.493
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	77.997.602.438	93.039.743.614	-	-	-	6.588.055.679	177.625.401.731
Phân loại lại	3.879.675.585	12.395.171.617	-	(86.832.000)	-	(16.188.015.202)	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.005.131.334)	(7.729.682.340)	(883.701.428)	-	(17.732.652.665)	-	(27.351.167.767)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>321.864.305.753</b>	<b>971.242.946.732</b>	<b>78.584.770.151</b>	<b>14.329.953.417</b>	<b>60.028.779.895</b>	<b>-</b>	<b>1.446.050.755.948</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	174.480.796.407	596.963.376.384	67.661.400.976	3.188.942.470	21.641.485.677	6.577.303.098	870.513.305.012
Khấu hao trong năm	13.519.134.510	34.681.889.355	2.911.937.060	2.197.606.628	9.108.579.386	624.393.328	63.043.540.267
Khấu hao tài sản được đánh giá lại giá trị hợp lý	6.926.164.200	23.374.317.129	313.530.267	-	200.691.534	-	30.814.703.130
Phân loại lại	3.458.747.906	3.747.173.410	-	(4.224.890)	-	(7.201.696.426)	-
Thanh lý, nhượng bán	(853.107.596)	(6.743.118.228)	(883.701.428)	-	(8.432.615.964)	-	(16.912.543.216)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>197.531.735.427</b>	<b>652.023.638.050</b>	<b>70.003.166.875</b>	<b>5.382.324.208</b>	<b>22.518.140.633</b>	<b>-</b>	<b>947.459.005.193</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu năm	64.434.010.398	239.761.891.333	9.456.118.004	7.631.664.799	39.340.663.390	3.022.656.425	363.647.004.349
Số dư cuối năm	124.332.570.326	319.219.308.682	8.581.603.276	8.947.629.209	37.510.639.262	-	498.591.750.755

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các tài sản có nguyên giá 611.283 triệu VND (1/1/2023: 539.896 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định vô hình**

	Lợi thế quyền thuê đất VND	Lợi thế thương hiệu VND	Lợi thế vùng nguyên liệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	165.948.848.225	325.192.463.989	197.956.870.362	5.004.164.000	-	694.102.346.576
Tăng trong năm	-	-	-	-	524.680.003	524.680.003
Số dư cuối năm	165.948.848.225	325.192.463.989	197.956.870.362	5.004.164.000	524.680.003	694.627.026.579
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	48.949.259.024	97.557.739.195	65.985.623.454	4.226.002.001	-	216.718.623.674
Khấu hao trong năm	-	-	-	498.997.129	32.677.443	531.674.572
Khấu hao tài sản đã đánh giá lại giá trị hợp lý	7.859.807.386	16.259.623.199	10.997.603.909	-	-	35.117.034.494
Số dư cuối năm	56.809.066.410	113.817.362.394	76.983.227.363	4.724.999.130	32.677.443	252.367.332.740
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	116.999.589.201	227.634.724.794	131.971.246.908	778.161.999	-	477.383.722.902
Số dư cuối năm	109.139.781.815	211.375.101.595	120.973.642.999	279.164.870	492.002.560	442.259.693.839

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có tài sản cố nguyên giá 4.429 triệu VND (1/1/2023: 3.429 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của bò sữa dưới 16 tháng tuổi, và chi phí này sẽ được chuyển sang tài sản cố định hữu hình dưới danh mục gia súc khi bò đủ 16 tháng tuổi, là khi bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	95.736.189.738	102.899.685.197
Tăng trong năm	310.709.841.959	118.712.612.927
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(177.625.401.731)	(125.876.108.386)
Chuyển sang công cụ dụng cụ dài hạn	(375.076.343)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	228.445.553.623	95.736.189.738

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trang trại du lịch sinh thái bò sữa công nghệ cao 4000 con	100.212.018.073	4.651.483.536
Dự án Tam Đảo bò thịt	85.715.082.910	10.271.530.741
Dự án Nhà máy Sữa Hưng Yên	32.862.278.915	-
Dự án nâng cấp Trung tâm giống số 2	4.051.466.587	69.879.067.477
Dự án Đầu tư xây dựng tòa nhà Vilico Tower	2.664.654.545	10.934.107.984
Các công trình khác	2.940.052.593	-
	<hr/>	<hr/>
	228.445.553.623	95.736.189.738

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công cụ dụng cụ	786.686.814	1.498.243.117
Chi phí quảng cáo	1.620.458.470	275.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.886.924.644	4.362.844.264
	8.294.069.928	6.136.087.381

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	7.323.738.440	2.630.239.133	9.953.977.573
Tăng trong năm	15.752.287.667	2.680.152.725	18.432.440.392
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	375.076.343	-	375.076.343
Phân bổ trong năm	(7.994.958.164)	(1.952.172.734)	(9.947.130.898)
Số dư cuối năm	15.456.144.286	3.358.219.124	18.814.363.410

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả****(a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	Thuế suất	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Phát sinh từ dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	20%	9.986.766.098	10.239.105.613
Phát sinh từ tài sản đánh giá lại	20%	109.600.651.301	123.011.245.425
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		119.587.417.399	133.250.351.038



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.737.856.425	347.571.285	-	-
Lỗi tính thuế	16.423.915.820	3.284.783.164	38.955.456.048	7.791.091.210
	<b>18.161.772.245</b>	<b>3.632.354.449</b>	<b>38.955.456.048</b>	<b>7.791.091.210</b>

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào những năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	15.387.670.700
2028	Chưa quyết toán	1.036.245.120
		<b>16.423.915.820</b>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**17. Lợi thế thương mại**

	Lợi thế thương mại VND
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	460.923.718.049
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	276.554.230.830
Phân bổ trong năm	46.092.371.805
Số dư cuối năm	322.646.602.635
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu năm	184.369.487.219
Số dư cuối năm	138.277.115.414

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	4.249.629.635	906.707.016
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	857.500.000	896.000.000
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	1.817.241.812	4.430.269.691
<b>Các bên khác</b>		
Các hộ chăn nuôi	41.055.768.912	35.400.403.674
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52	22.922.737.736	-
Các bên khác	82.543.629.378	65.141.616.153
	<hr/>	<hr/>
	153.446.507.473	106.774.996.534

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 20 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	(17.942.559.669)	95.037.488.774	(100.777.903.137)	(23.682.974.032)
Thuế xuất nhập khẩu	-	66.250.858	(66.250.858)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.702.274.436)	51.858.741.460	(64.871.125.625)	(14.714.658.601)
Thuế thu nhập cá nhân	73.267.507	10.528.794.319	(10.246.272.155)	355.789.671
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	656.779.006	13.841.796.235	(15.094.475.708)	(595.900.467)
Các loại thuế khác	18.839.876	1.492.154.244	(1.490.720.120)	20.274.000
	<u>(18.895.947.716)</u>	<u>172.825.225.890</u>	<u>(192.546.747.603)</u>	<u>(38.617.469.429)</u>

*Trong đó:*

	1/1/2023 VND	31/12/2023 VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(20.203.819.191)	(41.838.623.071)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.307.871.475	3.221.153.642
	<u>(18.895.947.716)</u>	<u>(38.617.469.429)</u>

(\*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm thể hiện số liệu sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong năm.

Các nghĩa vụ thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại (i)	68.869.657.498	52.268.513.520
Phải trả tiền mua sữa từ các hộ chăn nuôi	2.763.274.870	3.066.245.380
Chi phí quảng cáo trên phương tiện truyền thông	4.056.263.697	2.696.950.590
Chi phí bảo dưỡng máy móc	2.671.590.375	19.272.649
Các khoản trích trước khác	8.601.500.211	5.911.288.175
	<hr/>	<hr/>
	86.962.286.651	63.962.270.314

- (i) Chi phí thực hiện chương trình khuyến mại thể hiện chi phí phải trả cho các khách hàng theo các chương trình khuyến mại Tổng Công ty và các công ty con đang áp dụng.

**21. Các khoản phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi	5.384.973.619	18.342.719.689
Kinh phí công đoàn	286.839.162	2.205.563.434
Phải trả, thanh toán tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	917.800.570	657.737.373
Cổ tức phải trả	168.419.730	165.670.830
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.761.262.902	6.528.733.007
	<hr/>	<hr/>
	22.519.295.983	27.900.424.333

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Quỹ khuyến học và các quỹ khác	790.778.252	2.624.600.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	272.600.000	1.087.180.002
	<hr/>	<hr/>
	1.063.378.252	3.711.780.002



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	74.402.567.726	64.195.721.193
Trích lập trong năm	45.320.986.666	44.383.564.450
Tăng khác	3.300.000	11.920.000
Sử dụng trong năm	(27.847.536.691)	(34.188.637.917)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	91.879.317.701	74.402.567.726

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cố phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ lũy kế/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	2.500.000.000.000	255.927.481.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	54.922.307.639	(215.244.301.829)	1.572.358.623.329	4.140.967.428.672
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	115.961.288.861	121.580.601.482	237.541.890.343
Giảm vốn chủ sở hữu do hoán đổi cổ phiếu khi sáp nhập	(937.516.910.000)	937.516.910.000	-	-	-	-	-	631.010.000.000
Tăng vốn do sáp nhập	631.010.000.000	-	-	-	-	-	-	(631.010.000.000)
Hủy cổ phiếu sau sáp nhập	(470.031.360.000)	(160.978.640.000)	-	-	-	(103.407.703.800)	(111.925.000.000)	(215.332.703.800)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(39.296.456.720)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	39.296.456.720	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	(29.567.811.662)	(14.815.752.788)	(44.383.564.450)
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	-	338.100.000.000	338.100.000.000
Giảm tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát do ảnh hưởng của việc sáp nhập	-	-	-	-	-	655.376.792.309	(655.376.792.309)	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	1.723.461.730.000	1.032.465.751.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	94.218.764.359	383.821.807.159	1.249.921.679.714	4.456.893.050.765



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	1.723.461.730.000	1.032.465.751.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	94.218.764.359	383.821.807.159	1.249.921.679.714	4.456.893.050.765
Phát hành thêm cổ phiếu	401.454.380.000	159.960.852.000	-	-	-	-	-	561.415.232.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	156.602.643.769	132.505.470.888	289.108.114.657
Cổ tức	-	-	-	-	-	(103.407.703.800)	(89.540.058.000)	(192.947.761.800)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	37.961.431.972	(37.961.431.972)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	(30.082.194.673)	(15.238.791.993)	(45.320.986.666)
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	-	338.100.000.000	338.100.000.000
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	2.124.916.110.000	1.192.426.603.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	132.180.196.331	368.973.120.483	1.615.748.300.609	5.407.247.648.956

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	212.491.611	2.124.916.110.000	172.346.173	1.723.461.730.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	172.346.173	1.723.461.730.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	172.346.173	1.723.461.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	172.346.173	1.723.461.730.000	172.346.173	1.723.461.730.000
Cổ phiếu phát hành trong năm (*)	40.145.438	401.454.380.000	-	-
Số dư cuối năm	212.491.611	2.124.916.110.000	172.346.173	1.723.461.730.000

(\*) Ngày 21 tháng 9 năm 2023 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành công văn số 6332/UBCK-QLCB công nhận kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Tổng Công ty.

## 25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	17.800.546.975	14.471.710.459
Từ hai đến năm năm	60.186.462.881	50.882.218.670
Trên năm năm	494.130.441.631	399.284.031.559
	<hr/>	<hr/>
	572.117.451.487	464.637.960.688
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	64	1.545.213	64	1.502.220
EUR	101	2.673.933	101	2.506.452
		<hr/>		<hr/>
		4.219.146		4.008.672
		<hr/>		<hr/>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thành phẩm	3.068.982.891.091	3.064.588.887.651
▪ Doanh thu bán hàng hóa	80.941.715.003	72.198.264.663
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.172.599.938	2.912.096.710
▪ Doanh thu khác	1.038.209.561	2.025.165.745
	<hr/>	<hr/>
	3.154.135.415.593	3.141.724.414.769
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(112.975.903)	(434.519.190)
▪ Chiết khấu thương mại	(2.017.348.290)	(995.020.283)
	<hr/>	<hr/>
	(2.130.324.193)	(1.429.539.473)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	3.152.005.091.400	3.140.294.875.296
	<hr/>	<hr/>

**28. Giá vốn hàng bán**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	2.120.823.056.665	2.100.667.127.972
▪ Hàng hóa đã bán	71.490.921.263	65.312.888.651
▪ Dịch vụ đã cung cấp	2.206.840.895	1.476.060.046
▪ Giá vốn khác	9.438.043.942	8.247.327.713
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.731.046.077	991.740.739
	<hr/>	<hr/>
	2.205.689.908.842	2.176.695.145.121
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay (*)	259.502.821.127	151.383.727.323
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	5.812.874.004	6.171.401.557
Cổ tức được chia	7.834.000	4.021.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.012.246.440	600.391.650
	<hr/>	<hr/>
	266.335.775.571	158.159.542.030
	<hr/>	<hr/>

(\*) Lãi tiền gửi không bao gồm lãi tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi.

**30. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	-	4.499.900.996
Chi phí lãi vay	-	636.335.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	931.746.745	370.396.969
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	20.244.833	765.052
	<hr/>	<hr/>
	951.991.578	5.507.398.072
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	46.109.451.001	45.208.900.360
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	222.107.273	40.587.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.103.682.148	441.339.392
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, hàng mẫu	620.243.359.149	601.650.796.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.588.237.437	39.835.979.023
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	5.423.520.449	4.126.585.290
Chi phí khác bằng tiền	14.990.098.677	6.559.832.461
	<hr/>	<hr/>
	725.680.456.134	697.864.020.304
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công	42.872.355.560	30.318.744.680
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.529.987.494	1.280.889.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.661.024.248	9.459.289.335
Phân bổ lợi thế thương mại	46.092.371.805	46.092.371.805
Thuế, phí, và lệ phí	2.988.385.865	6.603.440.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.962.266.613	20.513.427.668
Chi phí khác bằng tiền	18.344.821.157	13.164.333.082
	<hr/> <b>143.451.212.742</b>	<hr/> <b>127.432.496.522</b>

**33. Thu nhập khác**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.432.233.455	20.623.191.753
Tiền phạt, bồi thường thu được	115.290.903	150.215.180
Các khoản khác	13.920.546.226	6.611.342.920
	<hr/> <b>17.468.070.584</b>	<hr/> <b>27.384.749.853</b>

**34. Chi phí khác**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	10.438.624.551	45.431.404.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	342.795.660	2.835.413.977
Chi phí vắc xin tiêm phòng bò cho các hộ dân	2.607.466.490	2.758.772.654
Các khoản khác	5.972.230.879	6.629.609.377
	<hr/> <b>19.361.117.580</b>	<hr/> <b>57.655.200.608</b>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.943.257.661.282	1.935.037.666.952
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo	616.405.087.689	603.394.874.252
Chi phí nhân công	165.787.173.421	154.017.394.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	129.164.156.803	117.451.756.982
Phân bổ lợi thế thương mại	46.092.371.805	46.092.371.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.728.578.381	98.708.079.349
Chi phí khác bằng tiền	66.136.045.530	43.242.776.419

**36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	51.858.741.460	34.108.796.679
Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế năm 2021	-	28.931.923
	<hr/> 51.858.741.460	<hr/> 34.137.728.602
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(13.662.933.640)	(14.269.564.638)
	<hr/> 38.195.807.820	<hr/> 19.868.163.964



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	327.303.922.477	257.410.054.307
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	65.460.784.495	51.482.010.861
Thu nhập được miễn thuế	(36.750.877.088)	(42.768.061.000)
Thu nhập không chịu thuế	(1.566.800)	(804.300)
Chi phí không được khấu trừ	13.646.203.974	11.157.641.421
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	347.571.285	6.756.569.117
Lỗi tính thuế đã được sử dụng bởi GTN	-	(884.537.410)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(4.506.308.046)	(5.903.586.648)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	28.931.923
	<b>38.195.807.820</b>	<b>19.868.163.964</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, công ty con của Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trong đó thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế quy định tại Nghị định này phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm từ 30% trở lên; và
- Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	156.602.643.770	115.961.288.861
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(30.082.194.673)	(29.567.811.662)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	126.520.449.097	86.393.477.199
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	183.564.898	187.445.528
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	689	461

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên phần lợi nhuận hợp nhất được phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tổng Công ty trong năm 2023.

**Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	172.346.173	250.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành mới trong năm	11.218.725	-
Ảnh hưởng của giao dịch hoán đổi cổ phiếu	-	(75.522.196)
Tăng cổ phiếu do sáp nhập	-	50.831.361
Hủy cổ phiếu sau sáp nhập	-	(37.863.637)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	183.564.898	187.445.528

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b><i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	425.263.034.815	406.392.926.648
Mua hàng hóa, dịch vụ	30.445.101.138	10.811.829.123
Cổ tức	89.788.080.000	94.656.975.000
Thuê tài sản	-	230.000.000
<b>Công ty liên quan khác</b>		
<b><i>Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam</i></b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	81.553.115.528	73.708.645.354
Bán hàng hóa	-	1.285.916.313
<b><i>Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa</i></b>		
Bán hàng hóa	-	900.894.000
Mua hàng hóa	-	215.718.750
<b><i>Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội</i></b>		
Mua hàng hóa	14.045.105.000	15.700.925.000



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Thù lao và lương của người quản lý chủ chốt**

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
<b>Tổng thù lao</b>	<b>384</b>	<b>364</b>
Bà Mai Kiều Liên – Chủ tịch	-	60
Ông Nguyễn Hồng Bách – Thành viên	96	56
Ông Lê Thành Liêm – Thành viên	96	56
Ông Đỗ Hoàng Phúc – Thành viên	96	56
Ông Trịnh Phương Nam – Thành viên (từ ngày 27/4/2023)	64	-
Ông Trịnh Quốc Dũng – Thành viên (đến ngày 27/4/2023)	32	96
Ông Trần Chí Sơn – Thành viên (đến ngày 8/6/2022)	-	40
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
<b>Tổng thù lao</b>	<b>1.120</b>	<b>997</b>
Ông Đoàn Quốc Khánh – Tổng Giám đốc (từ ngày 20/10/2023)	129	-
Ông Trịnh Phương Nam – Tổng Giám đốc (từ ngày 1/5/2023 đến ngày 19/10/2023)	281	-
Ông Trịnh Quốc Dũng – Tổng Giám đốc (đến ngày 1/5/2023)	242	527
Ông Trần Chí Sơn – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29/2/2024)	346	194
Ông Nguyễn Đăng Khoa – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/4/2023)	122	276
<b>Ban Kiểm soát</b>		
<b>Tổng thù lao</b>	<b>240</b>	<b>228</b>
Bà Hà Thị Diệu Thu – Trưởng ban	96	96
Ông Trịnh Công Sơn – Thành viên	72	78
Ông Trương Anh Vũ – Thành viên	72	48
Ông Trịnh Công Tuyển – Thành viên (đến ngày 8/6/2022)	-	6

**39. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	2023 VND	2022 VND
Cần trừ công nợ giữa đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi và phải trả tiền mua sữa trong năm	37.360.235.562	44.773.900.000

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **40. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**18-03-2024**

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người xem xét:



Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

